



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: 103 Nguyễn Huệ, phường An Hội, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Điện thoại : (0275) 3822236 - 3554242



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

NĂM 2023

Ngày 24 tháng 6 năm 2023



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN (HOẶC ỦY QUYỀN)

Tham dự và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

Kính gửi: Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 CTCP
Cấp thoát nước Bến Tre.

Tên cổ đông:

ĐKKD/CCCD số: ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Email:

Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Căn cứ thông báo mời họp của Công ty, tôi / công ty chúng tôi xin xác nhận như sau (đồng ý hoặc ủy quyền)

Đồng ý tham dự Đại hội

Ủy quyền tham dự cho Ông/Bà có tên dưới đây:

Ông/Bà

ĐKKD/CCCD số: ngày cấp: nơi cấp:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Email:

Thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre để biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần đại diện.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre vào ngày 24/6/2023.

Trân trọng./.

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Bến Tre, ngày tháng năm 2023

NGƯỜI XÁC NHẬN/ NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Ngày 24 tháng 6 năm 2023

Thời Gian: Bắt đầu vào lúc 7 giờ 30 phút, ngày 24/6/2023 (7g30)

Địa điểm: Hội trường (Tầng 6) Nhà khách- Nhà hàng Hàm Luông, số 200C, đường Hùng Vương, phường 5, thành phố Bến Tre.

Thời gian (7g00-11g15)	Nội dung
I. Chuẩn bị 07g00 - 07g30	* Đón tiếp cổ đông, khách mời: - Đón tiếp đại biểu; - Các cổ đông tham dự Đại hội đăng ký với kiểm tra tư cách Cổ đông; - Phát tài liệu.
II. Nghi thức 07g30 - 08g00	* Khai mạc Đại hội: - Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu; - Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành; - Thông qua “Chủ tọa đoàn, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu” và biểu quyết của Đại hội cổ đông; - Thông qua “Quy chế Đại hội và Chương trình làm việc tại ĐH - Thông qua chương trình Đại hội.
III. Nội dung 08g00 - 09g30	* Trình bày nội dung các tờ trình xin ý kiến Đại hội: 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023; 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022; Kế hoạch và giải pháp năm 2023; 3. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của năm 2022 và Kế hoạch năm 2023; 4. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022; 5. Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023; 6. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023; 7. Tờ trình tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký, Thư ký năm 2023; 8. Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo soát xét và Báo cáo tài chính 2023. 9. Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT 10. Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025. * Đại hội thảo luận và góp ý * Cổ đông tham dự biểu quyết * Đại hội tiến hành bỏ phiếu thông qua các Báo cáo và các Tờ trình.

IV. Bầu cử 09g30 – 10g00	* Đại hội bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 + Thông qua Quy chế Đề cử, ứng cử và bầu cử Thành viên HĐQT; + Giới thiệu và thông qua Ban bầu cử kiêm kiểm phiếu + Đại hội tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.
10g00 – 10g15	* Nghỉ giải lao - Đại hội nghỉ giải lao giữa giờ; - Ban kiểm phiếu làm việc.
10g15 – 10g45	* Công bố kết quả bỏ phiếu. - Công bố kết quả thông qua các Báo cáo và Tờ trình. - Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT. - Thành viên Hội đồng quản trị ra mắt Đại hội.
V. Bế mạc 10g45 – 11g15	* Tổng kết Đại hội - Thông qua Biên bản Đại hội. - Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. - Tuyên bố Bế mạc Đại hội

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/BC-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023



BÁO CÁO

Thẩm tra tư cách Cổ đông Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Hôm nay ngày 24/6/2023, tại phiên khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre, Ban Thẩm tra tư cách Cổ đông gồm có:

1. Ông: Lê Văn Phong Trưởng ban
2. Ông: Phạm Hồng Hữu Thành viên
3. Ông: Lương Minh Nghĩa Thành viên

Đã tiến hành, Thẩm tra tư cách Cổ đông, tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

- 100% đại biểu dự Đại hội đồng cổ đông đều là Cổ đông hoặc Đại diện được ủy quyền của Cổ đông Công ty, theo danh sách chốt Cổ đông ngày 19/5/2023.

- Tại thời điểm giờ 00 ngày 24/6/2023, tổng số Cổ đông và đại diện ủy quyền tham dự là người, đại diện cho cổ phần được quyền biểu quyết, chiếm tỉ lệ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre là hợp lệ.

Ban Thẩm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước Đại hội, đề nghị Chủ tọa Đại hội cho tiến hành Đại hội./.

**TM. BAN THẨM TRA
TRƯỞNG BAN**

Lê Văn Phong

QUY CHẾ LÀM VIỆC
Đại hội cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;

Nhằm đảm bảo Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre năm 2023 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH.

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI.

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

III. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ / TỪ VIẾT TẮT.

- Công ty : Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban Tổ chức Đại hội
- ĐHĐCD : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Đại hội : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

IV. NỘI DUNG QUY CHẾ.

Điều 1. Điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội.

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày **19/5/2023** đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Điều 3. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh, y tế (nếu có), giấy tờ tùy thân... theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần Đại biểu có thể đàm thoại bên ngoài hội trường làm việc.

- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc mời đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 5. Đoàn Chủ tọa Đại hội

- Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 thành viên. Chủ tịch HĐQT sẽ là chủ tọa điều hành Đại hội. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tọa:

+ Điều hành công việc của Đại hội theo chương trình, quy chế làm việc của Đại hội.

+ Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội

+ Giới thiệu thành phần Công ty cổ phần để Đại hội biểu quyết.

+ Giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tọa để Đại hội biểu quyết.

+ Chủ tọa cử hai người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

+ Hướng dẫn các đại biểu thảo luận.

+ Trình các nội dung và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.

+ Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.

+ Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

Điều 6. Ban Thư ký Đại hội

- Ban Thư ký Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

+ Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.

+ Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu.

+ Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

+ Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chủ tọa và thư ký Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần

thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

1. Ban kiểm tra tư cách Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp
- Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tham sự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức tiến hành.

Điều 8. Công ty cổ phần

1. Công ty cổ phần gồm những đại biểu chính thức tham dự Đại hội và không có tên trong danh sách ứng cử viên (khi bầu cử) do Chủ tọa giới thiệu (không quá 06 người) để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết.

2. Nhiệm vụ của Công ty cổ phần:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 9. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Đại biểu tham dự Đại hội chỉ được thảo luận trong thời gian quy định và ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội.

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho Thư ký Đại hội;

- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của Cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa;

- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được trả lời bằng văn bản.

Điều 10. Thể lệ biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

1) Các quy định chung

Mỗi đại biểu đến tham dự Đại hội sẽ được Ban Tổ chức phát trực tiếp:

- Một (01) “**Phiếu biểu quyết**” màu xanh có ghi tên cổ đông/ người đại diện; số cổ phần có quyền biểu quyết; mã số biểu quyết; có đóng dấu treo Công ty trên góc trái. Phiếu này dùng để thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, thành phần Công ty cổ phần, Biên bản và Nghị Quyết Đại hội.

- Một (01) “**Phiếu biểu quyết**” màu hồng có ghi mã biểu quyết; có đóng dấu treo Công ty trên góc trái. Phiếu này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội (cách ghi theo hướng dẫn bên dưới phiếu).

2) Cách thức biểu quyết

- Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự sau:

- + Tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không có ý kiến với nội dung vừa được đề trình.

- Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, đại biểu tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

+ Đại biểu biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết màu vàng: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết, đại biểu giơ cao Phiếu biểu quyết, mặt trước Phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Thành viên Công ty cổ phần ghi nhận số phiếu biểu quyết của từng đại biểu đồng ý, không đồng ý. Phiếu này dùng để thông qua các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội trừ các Báo cáo và Tờ trình.

+ Đại biểu biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết màu “hồng”: Đối với từng nội dung, đại biểu lựa chọn 01 trong 03 phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” bằng cách đánh dấu “X” vào ô tương ứng được in sẵn trong phiếu biểu quyết. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi phiếu biểu quyết về thùng phiếu đã được niêm phong tại Đại hội. Phiếu này dùng để thông qua các Báo cáo và Tờ trình Đại hội.

3) Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết

- *Phiếu biểu quyết hợp lệ*: là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, không

tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- *Phiếu biểu quyết không hợp lệ*: là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, không có con dấu của công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của đại biểu. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4) Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi Cổ đông/ hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết màu hồng và một (01) phiếu biểu quyết màu xanh.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 19/5/2023) tổng số cổ phần của Công ty là: 29.400.000 cổ phần tương đương với 29.400.000 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp các vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Lưu ý:

o Cổ Đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty (ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật doanh nghiệp 2020).

o Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản Công ty (ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

5) Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Công ty cổ phần.
- Công ty cổ phần có nhiệm vụ kiểm đếm, thu, ghi nhận việc thực hiện biểu quyết.
- Công ty cổ phần sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung; chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Biên bản và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

- Biên bản và nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được lưu giữ tại Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre và sẽ được đăng tải trên Website của Công ty.

V. Thi hành Quy chế.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2023;
- Website của Công ty;
- Lưu VT, TK.



Trần Hùng

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về kết quả thực hiện năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;
- Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/6/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về việc quản trị, điều hành và hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
- Tên viết tắt: BEWACO
- Mã cổ phiếu: NBT
- Sàn giao dịch Upcom.
- Địa chỉ: Số 103, Nguyễn Huệ, phường An Hội, tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Số điện thoại: (0275) 3825727
- Số Fax: (0275) 3827781
- Website: www.capnuocbentre.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1300107725
- Vốn điều lệ: 294.000.000.000 đồng; số lượng cổ phần: 29.400.000 cổ phần; mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần
- Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022:
 - + Vốn nhà nước: 188.160.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 64%
 - + Vốn cổ đông tham gia: 105.840.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 36%.

2. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất và phân phối nước sạch; Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai; Xây dựng công trình dân dụng; xây dựng công trình công nghiệp, thi công xây lắp, cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp; Gia công cơ khí và các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng; Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước; Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh; Thi công, xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước; Thoát nước bản, nạo vét và thông tắc cống rãnh; Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; Dịch vụ tư vấn thiết kế, giám sát, công trình chuyên ngành cấp thoát nước Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế - dự toán, giám sát công trình ngành cấp thoát nước.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.
- Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

1. Thành viên, cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu, đại diện	Số cổ phần	Tỷ lệ % có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Thị Diễm Phương	Chủ tịch HĐQT	- Cá nhân	37.590	0,13
			- Đại diện UBND tỉnh Bến Tre	14.994.000	51,00
2	Trần Hùng	TV HĐQT- Tổng GĐ	- Cá nhân	7.770	0,03
			- Đại diện UBND tỉnh Bến Tre	3.822.000	13,00
3	Trần Thanh Bình	TV HĐQT- Phó TGD	- Cá nhân	6.300	0,02
4	Phan Đình Tân	TV HĐQT	- Đại diện Cty TNHH Hoàn Cầu	4.410.000	15,00
5	Nguyễn Thị Kim Phương	TV HĐQT	- Đại diện Cty cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	5.109.510	17,38

2. Công tác điều hành và hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1 Các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT đã có 08 phiên họp (gồm họp trực tiếp và họp thông qua hình thức góp ý kiến, trao đổi, thống nhất qua email), Nội dung các cuộc

hợp được chuẩn bị đầy đủ, chu đáo và liên quan thiết thực đến các mặt hoạt động SXKD của Công ty và được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và có sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty (các nội dung xin ý kiến Hội đồng quản trị đều được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát theo đúng thể thức, nội dung và thời hạn như đối với các thành viên Hội đồng quản trị).

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng	8	100%	
2	Ông Trần Hùng	8	100%	
3	Ông Trần Thanh Bình	8	100%	
4	Ông Phan Đình Tân	8	100%	
5	Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	5	100%	Đi công tác, không có ủy quyền

2.2. Các nghị quyết / quyết định của HĐQT

Trong năm, có 14 Nghị quyết và 361 Quyết định được HĐQT ban hành đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, các phiên họp có sự tham gia của Ban Kiểm soát.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
A	Nghị quyết			
1	Số 17/NQ - HĐQT	31/3/2022	Về việc gia hạn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
2	Số 18/NQ - HĐQT	31/3/2022	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
3	Số 19/NQ - HĐQT	10/5/2022	Về việc thông qua các nội dung trong tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2022	100%
4	Số 21/NQ - HĐQT	27/6/2022	Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	100%
5	Số 22/NQ - HĐQT	27/6/2022	Về việc thông qua kế hoạch Lao động - tiền lương của Công ty năm 2022	100%
6	Số 23/NQ - HĐQT	27/6/2022	Về việc thanh lý vật tư, tài sản năm 2022	100%
7	Số 24/NQ - HĐQT	20/8/2022	Về việc thông qua bổ sung Kế hoạch mua sắm tài sản vật tư và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022	100%
8	Số 25/NQ -	25/8/2022	Về việc thông qua chủ trương vay vốn ngân hàng	100%

	HĐQT			
9	Số 26/NQ - HĐQT	25/10/2022	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	100%
10	Số 27/NQ - HĐQT	28/11/2022	Về việc chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022	100%
11	Số 31/NQ - HĐQT	28/12/2022	Về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Trần Hùng	100%
12	Số 32/NQ - HĐQT	28/12/2022	Về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Trần Thanh Bình	100%
13	Số 33/NQ - HĐQT	28/12/2022	Về việc bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với ông Trần Hùng	100%
14	Số 34/NQ - HĐQT	28/12/2022	Về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Trần Thanh Bình	100%
B	Quyết định			
	361 Quyết định phê duyệt đầu tư, phê duyệt dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trong đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT, của Chủ tịch HĐQT.			

2.3. Về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty chuyên trách và người quản lý Công ty không chuyên trách năm 2022.

Trong năm, các thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách được trả tiền lương, thành viên không chuyên trách được trả thù lao đầy đủ theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022; cụ thể:

STT	Chức vụ	Số người	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
			ĐVT: đồng	
I. TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG			3.587.697.101	2.963.827.598
1.	<i>Hội đồng quản trị</i>		1.907.348.553	1.575.697.032
	- Chủ tịch	01	683.735.580	564.898.800
	- Tổng Giám đốc	01	646.776.900	534.634.000
	- Thành viên HĐQT	01	576.836.073	476.164.232
2.	<i>Ban kiểm soát</i>	01	576.836.073	476.164.232
3.	<i>Quản lý chuyên trách</i>	02	1.103.512.475	911.966.334
II. TIỀN THÙ LAO			312.000.000	312.000.000
1.	<i>Hội đồng quản trị không chuyên trách</i>	02	120.000.000	120.000.000
2.	<i>Ban kiểm soát không chuyên trách</i>	02	108.000.000	108.000.000
3.	<i>Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký và Thư ký</i>	02	84.000.000	84.000.000

2.4. Đánh giá công tác điều hành và hoạt động của HĐQT

- Từng thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ của Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT Công ty và quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả chung của HĐQT; thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh, các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

- Chủ trì tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên và Đại hội cổ đông bất thường năm 2022, giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, chính xác theo đúng quy định.

- Trong công tác tài chính, luôn thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD thông qua Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập soát xét định kỳ 06 tháng và năm tài chính.

- Việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đẩy mạnh công tác cải tiến thủ tục hành chính, tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng sản phẩm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; áp dụng các giải pháp công nghệ mới để tiếp tục giảm tiêu hao vật tư, thực hành tiết kiệm, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả SXKD.

- Chỉ đạo thực hiện quyết liệt chủ trương của Chính phủ và UBND tỉnh về việc thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt.

- Chú trọng và triển khai nhiều giải pháp giảm tỷ lệ thất thoát nước phù hợp như: kiểm soát các khu vực đã được phân vùng tách mạng; tập trung triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước; công tác dò tìm và sửa chữa ống bể... Thực hiện đúng các quy định về đảm bảo an ninh, an toàn nguồn nước mặt khai thác, cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn Tỉnh.

2.5. Hoạt động giám sát đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ được giao; Căn cứ vào các Nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty đã ban hành và giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc công ty triển khai, thực hiện trong năm 2022; Căn cứ kế hoạch SXKD năm 2022, Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;

Mặc dù trong năm qua tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp trong những tháng đầu năm cùng với tình hình xâm nhập mặn ảnh hưởng đến chất lượng nước nguồn đã làm cho tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp không ít khó khăn, nhưng Tổng Giám đốc luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra trên cơ sở khắc phục mọi khó khăn, phát huy những thuận lợi có được, linh hoạt trong tổ chức điều hành, có giải pháp phù hợp với tình

hình thực tế từng thời điểm để hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Hội đồng quản trị đánh giá việc triển khai thực hiện các chủ trương, kế hoạch và Nghị quyết HĐQT của Ban Tổng giám đốc trong năm 2022 như sau:

a) Về công tác quản trị nội bộ

- Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc, phối hợp với Ban kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

+ Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành khác.

+ Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

+ Tổ chức thành công Đại hội cổ đông bất thường vào tháng 12 năm 2022 để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và các chức danh liên quan khác của HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 theo ý kiến của Tinh ủy và UBND tỉnh.

+ Hàng tháng, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động SXKD cũng như đề ra phương hướng hoạt động của tháng tiếp theo để Chủ tịch HĐQT xem xét, có ý kiến. Qua đó HĐQT luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính của Công ty, có chủ động trong việc chỉ đạo điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

- Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của người lao động.

b) Về công tác tổ chức- chính sách liên quan đến người lao động:

Tiến hành rà soát, kiện toàn bộ máy tổ chức, thực hiện luân chuyển (một người biết làm nhiều việc, nhiều vị trí sản xuất), sắp xếp lại nhân sự theo hướng chuyên môn hóa nhằm cải thiện hiệu quả và năng lực của các phòng ban, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường công tác phối hợp để thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Chế độ lương, thưởng và các chế độ khác... cho người lao động trong Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã được Ban TGD và bộ phận chuyên môn nghiệp vụ nghiên cứu, thực hiện theo đúng quy định của nhà nước; đảm bảo minh bạch và công bằng cho cơ chế lương thưởng của Công ty, để trở thành công cụ khuyến khích người lao động trong công việc, góp phần nâng cao tinh thần và động lực cho người lao động, gắn bó xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

c) Về quản lý thực hiện SXKD năm 2022.

- Đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế QCVN 01-1:2018/BYT ngày 14/12/2018 và QCĐP 01:2022/BTr ngày 12/10/2022.

- Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật Tài nguyên nước.

- Tăng cường các biện pháp kỹ thuật trên hệ thống bơm, dây chuyền xử lý, hệ thống đường ống cấp nước để đảm bảo hệ thống cấp nước vận hành an toàn, hiệu quả.

- Cải tiến công tác ghi thu tiền nước theo chương trình quản lý khách hàng mới, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.

- Triển khai thực hiện đề án không thu tiền nước bằng tiền mặt tại nhà khách hàng, mở rộng liên kết thu qua tài khoản ngân hàng, các App, điểm thu hộ...

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/6/2022 của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty nỗ lực hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đến 31/12/2022, kết quả một số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

- Sản lượng nước ghi thu: 20.499.306 m³; đạt 100,4% so với Nghị quyết.
- Tổng doanh thu: 217.311 triệu đồng; đạt 100,6% so với Nghị quyết.
- Lợi nhuận trước thuế: 65.802 triệu đồng; đạt 124,15% so với Nghị quyết.
- Lợi nhuận sau thuế: 54.566 triệu đồng; đạt 124,01% so với Nghị quyết.
- Nộp ngân sách: 20.385 triệu đồng; đạt 100%.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 69.203 triệu đồng.

Trong đó:

- + Lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 để lại: 14.637 triệu đồng.
- + Lợi nhuận chưa phân phối năm 2022: 54.566 triệu đồng.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2022: 11% (Đã tạm ứng cổ tức 5%, còn lại 6% sẽ chi tiếp sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 thông qua).
- Tiền lương bình quân của người lao động: 8,2 triệu đồng/người/tháng.

d). Về phòng chống thất thoát nước.

Thực hiện nhiều biện pháp phòng chống thất thoát nước bằng cách phân vùng, tách mạng, lắp đặt các data logger theo dõi vùng, rà soát lại các hệ thống tuyến ống cung cấp nước, thay thế, sửa chữa những đường ống đã cũ, vỡ hay có nguy cơ rò rỉ... Tuy nhiên kết quả chưa đạt yêu cầu đề ra.

e). Về tình hình tài chính của Công ty.

Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Kiểm soát, Kiểm toán độc lập kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý doanh thu, chi phí, tài sản, việc thực hiện chế độ kế toán tại Công ty chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	So sánh 2022/2021	
					Giá trị	Tỷ lệ
1	Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	518,518	510,468	(8,050)	98,447
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	206,496	215,477	8,981	104,349
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	Tỷ đồng	55,961	65,476	9,515	117,003
4	Lợi nhuận khác	Tr.đồng	730,000	326,000	(404,000)	44,658
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	56,690	65,802	9,112	116,073
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	46,773	54,566	7,793	116,661
7	Tỷ lệ cổ tức	%	9%	11%	2%	2%

Tính đến thời điểm cuối năm 2022, tổng tài sản của Công ty được ghi nhận là 510,468 tỷ đồng, giảm khoản 8,05 tỷ đồng so với năm 2021. Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty vào ngày 31/12/2022 không có sự thay đổi nhiều so với cùng kỳ năm trước, Lợi nhuận sau thuế tăng 16,66% so với năm 2021.

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được lập đầy đủ và kịp thời theo quy định, gửi công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - Hệ thống CIMS; Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, website của Công ty.

f). Chi trả cổ tức năm 2022.

Đã thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Đảm bảo trả cổ tức và cổ tức bổ sung năm 2021 cho cổ đông đúng thời hạn; không có khiếu nại, khiếu kiện nào của đến cổ đông công ty đối với việc chi trả cổ tức.

j). Đầu tư xây dựng cơ bản:

Đã tập trung thực hiện các công trình ưu tiên cho công tác phòng chống hạn mặn và một số công trình xây dựng cơ bản theo kế hoạch năm 2022, hoàn thành một số công trình dở dang từ năm 2020, 2021 chuyển sang. Triển khai các thủ tục lựa chọn nhà thầu, thi công hoàn thành các công trình trọng điểm như Tuyến ống cấp nước MPVC từ NMN Sơn Đông đến ngã 4 Tân Thành, Xây dựng cụm xử lý nước sạch 5.000 m³/ngày đêm, Bể chứa nước sạch 1.000 m³ trạm tăng áp Hàm Luông; hoàn thành các thủ tục có liên quan và tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công Gói thầu số 2 thuộc dự án Tuyến ống cấp nước từ nhà máy nước Hữu Định về khu công nghiệp Giao Long. Giá trị đầu tư XDCB năm 2022 đạt 62,159 tỷ/175,3 tỷ đồng (tương đương 35,46%).

3. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2022

Theo Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty, đơn vị kiểm toán đã thực hiện tốt công tác soát xét BCTC 6 tháng và kiểm toán BCTC năm đúng thời gian, đúng thời hạn theo quy định.

4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người Điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: không có giao dịch

5. Đánh giá chung về kết quả hoạt động của Công ty trong năm 2022

Trong năm 2022, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre vẫn đối mặt với những thách thức về diễn biến phức tạp của tình trạng xâm nhập mặn cao và thiếu nước ngọt. Tuy nhiên, nhờ sự nỗ lực của các cấp quản lý và toàn thể công nhân viên, Công ty đã hạn chế và khắc phục được những khó khăn, từ đó đạt được lợi nhuận sau thuế tăng 29,38% so với kế hoạch đã đề ra từ đầu năm.

Điều này cho thấy được hiệu quả hoạt động của BEWACO vẫn được duy trì tích cực và các kế hoạch được giao theo Nghị quyết của ĐHCĐ đã được hoàn thành tốt.

Ngoài ra, Công ty cũng đã kiểm soát khá tốt các chi phí cố định như khấu hao, bán hàng và quản lý doanh nghiệp, đồng thời đạt được tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện chất lượng sản phẩm, năng lực phục vụ và dịch vụ khách hàng. Trong quá trình hoạt động của công ty, việc đảm bảo tính rõ ràng đầy đủ, chính xác của các khoản doanh thu và chi phí cũng được Công ty chú trọng. Điều này không chỉ giúp tăng hiệu quả của hoạt động kinh doanh mà còn đảm bảo sự chuyên nghiệp và minh bạch trong hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đã chăm lo cho người lao động, góp phần an tâm làm việc, toàn tâm toàn ý và hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra trong năm 2022.

Tất cả những thành tựu này cho thấy sự nỗ lực và cam kết của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre trong việc ứng phó với những khó khăn thách thức và phát triển bền vững trong hoạt động cấp thoát nước. Công ty đã đảm nhiệm được vai trò của mình trong việc cung cấp nguồn nước sạch và bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng, phát triển xã hội.

III. ĐỊNH HƯỚNG TRỌNG TÂM HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023.

Căn cứ vào kế hoạch SXKD 2023. Công ty đặt mục tiêu phát triển ổn định, bền vững và mở rộng quy mô về sản lượng và mạng lưới cấp nước bằng việc xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa các cấp quản lý, các phòng ban và toàn thể người lao động, tạo thành một khối đoàn kết, quyết tâm hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông sẽ biểu quyết thông qua, đồng thời tạo tiền đề phát triển cho các năm sau cụ thể như sau:

1. Tập trung chỉ đạo triển khai nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2023. Tăng cường công tác quản trị, giám sát thường xuyên việc thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng, chi phí, doanh thu... nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đã được thông qua theo Nghị quyết của ĐHCĐ tại ĐHCĐ thường niên 2023, đáp ứng hài lòng lợi ích cổ đông.

2. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động của Công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ, các quy chế của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Tăng cường công tác phối hợp với Ban kiểm soát nhằm phát hiện sớm những vấn đề bất cập để có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế các rủi ro trong điều hành hoạt động SXKD và đặc biệt có những giải pháp về lĩnh vực hoạt động tài chính để tối đa hiệu quả sử dụng nguồn vốn, nâng cao năng lực quản trị tài chính đảm bảo tình hình tài chính của Công ty luôn an toàn, hiệu quả, phát triển nguồn vốn.

4. Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty xây dựng các giải pháp thực hiện nhiệm vụ trọng tâm năm 2023, cụ thể:

- Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân trên địa bàn được cấp nước sạch. Đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục phát huy tối đa công suất các dự án đầu tư, đẩy mạnh các dự án, công trình XD/CB đang đầu tư để sớm đưa vào sử dụng.

- Quyết liệt trong chỉ đạo công tác phòng chống thất thoát nước (về phương pháp thực hiện về con người, về trang thiết bị...) kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước theo kế hoạch đã đề ra;

- Tiếp tục cải tiến thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Đẩy mạnh chuyên đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và vận hành hệ thống cấp nước;

- Thực hiện tốt chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí đã đề ra, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động nhằm gia tăng hiệu quả cho hoạt động của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến khách hàng thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt, lãnh đạo triển khai thực hiện tốt đề án, kế hoạch đã được ban hành, mở rộng nhiều kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi, phấn đấu đến 2025 đạt trên 50% khách hàng thanh toán không dùng tiền;

- Xây dựng hình ảnh Công ty chuyên nghiệp từ cấp quản lý đến nhân viên thừa hành, vận hành mạng lưới cấp nước, phát triển ổn định, bền vững, nâng cao uy tín và thương hiệu Công ty;

- Duy trì, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, gia tăng lợi nhuận, đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước; bảo tồn và phát triển nguồn vốn góp của các cổ đông, ổn định và tăng dần cổ tức; đảm bảo thu nhập và nâng cao đời sống vật chất cho toàn thể người lao động của Công ty.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT về kết quả quản trị điều hành năm 2022 và định hướng trọng tâm kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Xin báo cáo trước Đại hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cổ đông Công ty;
- Website Công ty
- Lưu: Thư ký. VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Hùng

Số: 04 /BC-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, Kế hoạch và giải pháp thực hiện năm 2023

A- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2022.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty về phương hướng, nhiệm vụ năm 2022, Ban lãnh đạo điều hành Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong tình hình dịch bệnh Covid 19 còn diễn biến phức tạp và nước nguồn bị xâm nhập mặn từ đầu năm làm ảnh hưởng đến nguồn nước phục vụ sản xuất của các nhà máy. Với tinh thần quyết tâm và nỗ lực, khắc phục mọi khó khăn theo chỉ đạo của các cấp, trong năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

I. Kết quả hoạt động SXKD.

Ngay từ đầu năm, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lãnh đạo tổ chức triển khai các mặt công tác trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động SXKD của năm 2021 và đề ra những chủ trương, giải pháp để thực hiện nhằm hoàn thành thật tốt các chỉ tiêu SXKD năm 2022. Trước những thuận lợi, khắc phục khó khăn, thách thức đặt ra của năm 2022, kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2022 tiếp tục ổn định, các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

1. Một số chỉ tiêu SXKD chủ yếu đạt được:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Năm 2022			So sánh TH 2022/ TH 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH	
I	Các chỉ tiêu sản xuất						
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	26.073.160	25.511.250	27.432.800	107,53	105,21
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	19.996.356	20.409.000	20.499.306	100,44	102,52
3	Tỷ lệ nước thất thoát	%	23,3	20	25,27	5,27	1,97
4	Gắn mới TLK	cái	2.919	3.000	3.527	117,57	120,83
5	Thay TLK	cái	19.149	18.400	18.636	101,28	97,32
II	Các chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	210,563	216,000	217,311	100,61	103,20
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	56,690	53,000	65,802	124,15	116,07
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	46,773	44,000	54,566	124,01	116,66
4	Nộp ngân sách	tỷ đồng	14,279	100% theo quy định	20,385	100%	142,76
5	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL	%	9	9	11	2	2
6	Lợi nhuận còn lại	tỷ đồng	14,700	14,700	17,703	120,43	120,43
8	Thu nhập bình quân	triệu đồng	7,969	7,981	8,200	102,74	102,90

2. Những kết quả đạt được trong năm 2022.

2.1. Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên gắn với trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

Đã tổ chức điều hành khá tốt mọi hoạt động của công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT.

Các thành viên trong Ban Giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

2.2. Về lĩnh vực sản xuất và quản lý chất lượng nước:

- Hoạt động sản xuất ổn định, cấp nước an toàn; Chất lượng nước được giám sát bởi Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre và luôn đảm bảo quy định của Bộ Y tế.

- Trong năm 2022 đã thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát để tiến hành rà soát, kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các Chi nhánh trực thuộc, từ đó đưa ra các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao chất lượng quản lý cũng như cơ sở vật chất của các Chi nhánh, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2.3. Về lĩnh vực kinh doanh, tiêu thụ:

- Tiếp tục thực hiện công tác chống thất thoát thông qua việc thay thế các tuyến ống cũ, ống HDPE chất lượng kém có hiện tượng rò rỉ, gây thất thoát nguồn nước, nâng cấp mở rộng các tuyến ống truyền tải bằng ống HDPE.

- Coi công tác chống thất thu là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục thông qua việc thực hiện rà soát, kiểm tra xác định mục đích sử dụng nước của khách hàng, nhằm phát hiện sai sót, thay đổi để điều chỉnh kịp thời, áp giá đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng, góp phần tăng doanh thu, nâng cao hiệu quả công tác quản lý của Ban Tổng Giám đốc.

- Tiếp tục áp dụng có hiệu quả một số phần mềm khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh như: Phần mềm quản lý khách hàng; Đọc chỉ số đồng hồ qua các thiết bị di động; Phần mềm Hóa đơn điện tử; Dịch vụ thanh toán hoá đơn tiền nước không dùng tiền mặt qua các ngân hàng thương mại trên địa bàn toàn tỉnh.

2.4. Công tác quản trị và chính sách người lao động.

a. Công tác quản trị.

Bộ máy tổ chức nhân sự gồm:

Ban Giám đốc: 03 người - 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng số lao động: 282 người

- Thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung hệ thống văn bản quản trị nội bộ trên cơ sở văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, gắn với tình hình thực tiễn nhằm

quản lý chặt chẽ trong công tác tài chính; phân công nhiệm vụ rõ ràng. Trên cơ sở đó, mỗi bộ phận, cá nhân người lao động đã nâng cao được ý thức, trách nhiệm.

- Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho người lao động cả về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị; đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

b. Chính sách người lao động.

- Việc trả lương cho người lao động được căn cứ theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế trả lương của công ty.

- Tiền thưởng được chi trả cho người lao động căn cứ theo Quy chế Thi đua - Khen thưởng và kết quả đánh giá, xếp loại thi đua.

- Hằng năm công ty luôn tiến hành rà soát mức lương của người lao động đảm bảo cao hơn mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Nhà nước; Thực hiện đóng nộp đầy đủ chế độ bảo hiểm, trang bị bảo hộ lao động.

- Để đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, công ty xây dựng các quy định thể hiện trong nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể. Mỗi năm tổ chức 01 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, chi trả chế độ ăn ca, tổ chức tập huấn an toàn lao động cho người lao động theo quy định. Giải quyết đầy đủ chế độ ốm đau, thai sản, ngày nghỉ Phép - Lễ - Tết, trợ cấp khó khăn, thăm hỏi hiếu, hi, quan tâm bố trí công việc phù hợp cho lao động nữ.

2.5. Kết quả đầu tư xây dựng.

- Trong công tác XD CB, đã tập trung khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình còn dở dang trong năm 2020- 2021 chuyển sang, triển khai hoàn thành một số công trình trọng điểm theo kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 như Tuyến ống cấp nước MPVC từ NMN Sơn Đông đến ngã 4 Tân Thành, Xây dựng cụm xử lý 5.000 m³/ngày đêm, Bể chứa nước sạch 1.000 m³ trạm tăng áp Hàm Luông, tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu số 2 thuộc dự án Tuyến ống cấp nước từ nhà máy nước Hữu Định về khu công nghiệp Giao Long. Hoàn thành tuyến ống cấp nước lộ cầu Nhà Việc để bổ sung áp lực cho khu vực Sơn Phú, Phước Long góp phần giảm chi phí chờ nước điều tiết áp lực cho khu vực này vào mùa khô năm 2023. Một số hạng mục công trình đầu tư mở rộng, nâng cấp hệ thống cấp nước của Công ty đã được triển khai thực hiện và hoàn thành, cải tạo thay thế 20 km ống HDPE D63 khu vực thành phố Bến Tre, phát triển mở rộng 60 km ống HDPE D63 tại các khu vực Giồng Trôm, Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc và khu vực Chợ Lách góp phần cải thiện áp lực, nâng cao chất lượng dịch vụ giúp Công ty hoàn thành các chỉ tiêu được UBND Tỉnh giao cùng một số chỉ tiêu nhiệm vụ do Công ty đề ra theo kế hoạch năm 2022.

- Phối hợp với các địa phương có phương án di dời ống cấp nước kịp thời để đảm bảo tiến độ mở rộng lộ, hẻm theo kế hoạch, theo đề án xây dựng giao thông nông thôn của các địa phương thuộc vùng phục vụ của Công ty.

- Thực hiện phân vùng tách mạng, cải tạo thay thế các tuyến ống cũ; đầu tư trang thiết bị lắp đặt thêm các data logger, lắp đặt đồng hồ thông minh phục vụ

công tác kiểm soát thất thoát nước trên mạng lưới. Do ảnh hưởng của hạn mặn từ năm 2020-2021 các tuyến ống cũ bị xuống cấp gây nhiều sự cố xì bể trên mạng lưới cấp nước, cùng với việc cải tạo nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, mở rộng lộ hèm ở các địa bàn có mạng đường ống của Công ty, là một trong những nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ thất thoát nước tăng cao hơn so với kế hoạch là 5,27%.

- Tổng giá trị đầu tư XDCB thực hiện năm 2022 là 62,159 tỷ đồng/175,3 tỷ (đạt 35,46%) trong đó:

- + Xây dựng cơ bản: 56,970 tỷ đồng.
- + Mua sắm: 3,348 tỷ đồng.
- + Sửa chữa lớn tài sản: 1,841 tỷ đồng.

3. Về công tác chuyên môn và quản lý

- Ngay những ngày đầu của năm 2022 hạn mặn lại tiếp tục ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận ở các nhà máy nước (ở Chi nhánh Giồng Trôm ngay từ đầu năm độ mặn đã trên 1‰); địa bàn thành phố Bến Tre, Châu Thành nguồn nước mặt bên ngoài sông độ mặn đã vượt mức, phải sử dụng giải pháp điều tiết nguồn nước ngọt thông qua hệ thống cống đập ngăn mặn. Theo Chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban quản lý điều hành Công ty đã lãnh đạo tổ chức, điều hành công tác ứng phó hạn mặn, điều tiết nguồn nước ngọt cung cấp cho các nhà máy nước, đảm bảo đủ lượng nước cấp ra mạng và có độ mặn đạt tiêu chuẩn quy định.

- Công ty đã chủ động thực hiện phương án mua nước ngọt thô vận chuyên bằng sà lan cung cấp cho Nhà máy nước Lương Quới theo định kỳ 2 lần/tháng (mỗi lần 5 ngày) để người dân khu vực Giồng Trôm có thể dự trữ nước ngọt phục vụ ăn uống và sinh hoạt. Bên cạnh đó Công ty đã chủ động cử nhân lực thường trực vận hành các trạm bơm nước, các cống đập và các công trình phục vụ chống mặn khác với yêu cầu đảm bảo lấy được nguồn nước tối ưu nhất.

- Chấp hành thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về phòng, chống dịch bệnh Covid 19 trong giai đoạn hiện nay, đảm bảo an toàn hoạt động cung cấp nước, công tác ghi, thu tiền nước.

- Triển khai phối hợp chỉ đạo thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, thực hiện các giải pháp kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước của công ty; Cuối tháng 9/2022 tiếp nhận nước của công ty Đỗ Hoàn Sinh để chủ động nguồn nước ngọt vào mùa khô năm 2022-2023 cho khu vực huyện Giồng Trôm.

- Triển khai đề án không dùng tiền mặt trong thanh toán tiền nước tiến tới không thu tiền nước tại nhà khách hàng. Vận động khách hàng thực hiện thanh toán tiền nước qua ngân hàng, các ứng dụng thu hộ để tăng tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt. Liên hệ với các địa phương thực hiện ký kết lại Hợp đồng dịch vụ cấp nước.

- Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy trình để đưa vào ứng dụng thực hiện quản lý doanh nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015.

- Hoàn thành các thủ tục trình xin ý kiến Ban Thường vụ tỉnh ủy về thời gian nghỉ hưởng chế độ hưu trí của người đại diện 51% vốn nhà nước đang giữ chức

vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh cho chủ trương về cử người làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và người giữ chức danh Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty.

II. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

- Ban lãnh đạo điều hành Công ty có sự chủ động, linh hoạt trong xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tích cực đóng góp cho công tác an sinh xã hội và các hoạt động khác.

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã chủ động phối hợp tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ ngay những tháng đầu năm 2022 theo kế hoạch và định hướng phát triển SXKD đề ra; tập trung mọi nỗ lực cho công tác phòng chống hạn mặn; công tác phòng, chống dịch bệnh. Hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch chủ yếu đề ra trong năm 2022; chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế đạt 124,01 % so với kế hoạch trong điều kiện SXKD bị ảnh hưởng của tình hình xâm nhập mặn và dịch bệnh Covid-19 như báo cáo nêu trên là sự cố gắng của Ban lãnh đạo và Người lao động của Công ty.

- Hoạt động của các tổ chức đoàn thể được quan tâm lãnh đạo, có phát động phong trào thi đua thiết thực trong đơn vị; các đoàn thể đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Phối hợp tổ chức vui xuân, đón Tết an toàn, vui tươi, tiết kiệm; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

2. Hạn chế

- Do ảnh hưởng của tình hình xâm nhập mặn, phải tập trung nhân lực thực hiện vận hành các công đập, điều tiết nguồn nước ngọt cung cấp cho các nhà máy và dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trong những tháng đầu năm nên nhiều công trình XD CB bị chậm tiến độ theo kế hoạch; một số công trình sau khi lập dự toán, trình thẩm tra xong phải thực hiện điều chỉnh giảm thuế VAT từ 10% xuống còn 8% theo chính sách giảm thuế của Chính phủ, chờ cập nhật lại định mức nhân công, máy thi công mới theo Quyết định của UBND tỉnh và phải trình phê duyệt lại dự toán, thẩm tra lại nên mất nhiều thời gian, không triển khai hoàn thành kịp theo kế hoạch.

- Tỷ lệ thất thoát nước tăng cao, vượt kế hoạch 5,27%, đây là hạn chế mà Công ty cần phải quyết liệt tập trung khắc phục ngay trong năm 2023.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023

Trong năm 2023, Ban lãnh đạo điều hành Công ty sẽ tập trung lãnh đạo và tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

I. Hoạt động sản xuất kinh doanh.

1. Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu.

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023
1	Sản lượng nước sản xuất	m ³	25.850.000
2	Sản lượng nước ghi thu	m ³	20.680.000
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	218,000
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52,000
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	43,000
6	Nộp ngân sách	tr.đ	100% theo quy định
7	Tỷ lệ nước thất thoát	%	20
8	Gắn mới TLK	cái	3.000
9	Thay TLK	cái	12.500
10	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	10
11	Lợi nhuận còn lại	Tỷ đồng	14,700
12	Thu nhập bình quân	triệu đồng	8,255

2. Công tác đầu tư.

- Tiếp tục thực hiện theo kế hoạch cấp nước an toàn; thực hiện đề án quy hoạch cấp nước vùng tỉnh đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt nhằm đảm bảo nguồn cung cấp nước trong vùng phục vụ của Công ty.

- Tập trung khẩn trương hoàn thành các hạng mục công trình còn dở dang từ năm 2021, 2022 chuyển sang đề nghị thu quyết toán trong Quý I, Quý II năm 2023 và thực hiện các công trình dự kiến triển khai trong năm 2023 theo đúng kế hoạch để tập trung cải tạo, nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cấp nhà máy nước nhằm nâng cao chất lượng nước cung cấp cho người dân.

- Ưu tiên cho công tác phòng chống hạn mặn. Tập trung huy động tất cả các nguồn vốn thực hiện tốt kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2023. Tổng giá trị kế hoạch đầu tư XDCB năm 2023 là 73,107 tỷ đồng; nguồn vốn: vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp và vốn vay thương mại.

- Đầu tư, cải tạo, thực hiện phân vùng tách mạng có hiệu quả, cải tạo thay thế các tuyến ống cũ, đầu tư trang thiết bị và các phần mềm hỗ trợ cho công tác chống thất thoát nước trên toàn hệ thống góp phần giảm tỷ lệ thất thoát. Tập trung mọi nguồn lực thực hiện các giải pháp kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước <20% vào cuối năm 2023. Xây dựng lộ trình giảm tỷ lệ thất thoát nước đến năm 2025 (tỷ lệ thất thoát < 20%).

3. Thực hiện công tác chuyên môn và quản lý.

- Lãnh đạo điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch do Chủ sở hữu giao và các chỉ tiêu được Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thực hiện tốt các giải pháp phòng chống hạn mặn cho mùa khô năm 2023, đảm bảo không cấp nước có độ mặn vượt quy chuẩn cho khách hàng;

- Thực hiện đúng và tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, quản lý tài sản vật tư của Công ty;

- Thực hiện vay vốn đầu tư và quản lý hiệu quả nguồn vốn để thực hiện hoàn thành các công trình XDCB được nêu cụ thể trong kế hoạch đầu tư XDCB năm 2023;

- Tiếp tục hoàn thiện và khai thác có hiệu quả chương trình quản lý khách hàng, quản lý tài sản; triển khai bộ phận chăm sóc khách hàng. thực hiện đề án không dùng tiền mặt trong thanh toán tiền nước và không thu tiền nước tại nhà khách hàng theo tiến độ, kế hoạch đã đề ra;

- Hoàn thiện và đưa vào ứng dụng thực hiện quản lý doanh nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 9001 – 2015; xây dựng đề án đánh giá, sử dụng nguồn nhân lực, làm cơ sở để tiến tới trả lương theo hiệu quả công việc;

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như kịp thời giải quyết các vấn đề về việc làm, tiền lương, đảm bảo mọi điều kiện để người lao động ổn định cuộc sống, an tâm công tác, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp;

4. Một số công tác khác.

- Phát động phong trào thi đua yêu nước; thi đua tăng năng suất lao động, phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để có thể chọn lựa áp dụng vào sản xuất, kinh doanh nhằm tiết kiệm nguồn lực của đơn vị. Hưởng ứng và tổ chức thực hiện tốt phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí do các cấp phát động.

- Lãnh đạo xây dựng hệ thống bộ máy quản lý, các đoàn thể đủ mạnh nhằm hoạt động có hiệu quả. Tạo điều kiện để viên chức quản lý và người lao động tham gia học tập đầy đủ các chủ trương, đường lối, chính sách, luật pháp của Đảng và Nhà nước, khuyến khích việc tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ về chuyên môn, kỹ thuật.

- Quan tâm chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, tạo điều kiện và bố trí công việc ổn định, hợp lý để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Tiếp tục thực hiện mua bảo hiểm nhân thọ cho viên chức quản lý và người lao động bằng nguồn chi phí hợp lệ được quy định; phối hợp với BCH Công đoàn cụ thể hóa việc thực hiện.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu Chiến binh hoạt động tốt nhất và đúng theo Điều lệ qui định.

II. Biện pháp tổ chức thực hiện.

1. Giải pháp về quản lý sản xuất kinh doanh

- Thường xuyên kiểm tra, quản lý chất lượng nước sau xử lý luôn đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế, đảm bảo điều tiết áp lực nước bơm ra mạng theo đúng kế hoạch phối hợp vận hành của các nhà máy.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định mức sản xuất nước sạch cho phù hợp thực tế, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng Quý làm cơ sở đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật; vận hành nhằm tiêu hao sử dụng điện năng tiêu thụ cũng như các nguyên liệu, hóa chất dùng cho xử lý nước để tiết kiệm chi phí cho Công ty.

- Tăng cường việc phối hợp xử lý công việc giữa các bộ phận, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các phòng, xí nghiệp, chi nhánh để đảm bảo các bộ phận luôn phối hợp với nhau để giải quyết công việc nhanh nhất.

2. Giải pháp về tài chính

- Chủ động xây dựng kế hoạch tài chính chi tiết, cân đối chặt chẽ nhu cầu sử dụng vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng cách đầu tư từng giai đoạn tùy theo nhu cầu, tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình đã đầu tư.

- Sử dụng vốn đúng mục đích, chủ động cân đối linh hoạt nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, nguồn vốn ưu đãi (nếu có), để thực hiện các kế hoạch đã đề ra nhằm hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023.

- Thường xuyên theo dõi và báo cáo với ban điều hành Công ty về tình hình thực hiện các hợp đồng và đơn đốc các nhà thầu thi công thực hiện nhanh việc quyết toán công trình khi công việc đã hoàn thành.

- Quản lý tốt các khoản nợ phải thu, nợ phải trả để không xảy ra tình trạng mất vốn của doanh nghiệp.

3. Giải pháp quản lý khách hàng, gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.

- Ưu tiên đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước vào các khu vực trọng điểm có nhu cầu tiêu thụ cao như các khu công nghiệp, cụm dân cư.

- Cải tiến trang web của công ty, thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng, quản lý tốt đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của khách hàng.

- Tiếp tục cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất, ứng dụng tốt phần mềm ghi chi số bằng điện thoại thông minh để quản lý tốt công tác ghi thu.

- Thực hiện có hiệu quả đề án không dùng tiền mặt trong thanh toán tiền nước và không thu tiền nước tại nhà khách hàng, đề ra chi tiết lộ trình thực hiện tiếp theo theo tiến độ, kế hoạch đã đề ra; đánh giá tăng cường công tác quản lý các liên kết thu hộ, nhờ thu thật chặt chẽ; cần có giải pháp phù hợp theo từng thời điểm, từng nhóm đối tượng, có đánh giá rút kinh nghiệm cụ thể.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tổ chức theo dõi chặt chẽ việc thực hiện nội quy và các quy chế đã ban hành, nâng cao công tác pháp chế. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và ban hành các quy chế phục vụ công tác quản lý còn thiếu hoặc sửa đổi, bổ sung các nội dung không phù hợp.

- Sắp xếp, sử dụng hiệu quả số lao động hiện có của Công ty, chỉ tuyển dụng thêm các vị trí khi thật sự cần thiết và mạnh dạn xử lý kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động làm việc không đủ năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo trong năm 2023 theo yêu cầu của các đơn vị trực thuộc và nhiệm vụ chung của Công ty. xây dựng đề án đánh giá, sử dụng nguồn nhân lực, làm cơ sở để tiến tới trả lương theo hiệu quả công việc.

- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp, đồng thời tạo điều kiện và môi trường làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động, xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.

5. Giải pháp tiết kiệm chi phí thông qua việc chống thất thoát nước

- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng hồ và vật tư đầu nối đạt tiêu chuẩn cao, thực hiện kiểm định đồng hồ trước khi đưa vào sử dụng, tiến hành thay thế và kiểm định đồng hồ nước theo định kỳ, thường xuyên kiểm tra chống thất thoát qua ống nhánh khách hàng và đồng hồ nước;

- Xây dựng kế hoạch chống thất thoát nước cụ thể từng Quý, từng năm và có báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ. Tích cực kiểm tra nhằm phát hiện các trường hợp gian lận trong việc sử dụng nước;

- Xây dựng kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước cho từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn, dài hạn;

- Số hóa trong quản lý khách hàng, quản lý mạng lưới cấp nước, vật tư tài sản của Công ty;

- Xây dựng kế hoạch phối hợp với người dân trong việc bảo vệ tài sản mạng lưới đường ống của Công ty;

- Tăng cường trách nhiệm trong công tác trực và xử lý sự cố, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng kịp thời khi có thông báo của người dân;

Trên đây là báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 và các giải pháp thực hiện. Tổng Giám đốc Công ty xin trân trọng báo cáo trước đại hội./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (báo cáo);
- Thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát, ban TGD;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.



Số: 05/BC-BKS

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022 VÀ
KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.

1. Thành viên và cơ cấu tổ chức:

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó 01 thành viên là chuyên trách và 02 thành viên là kiêm nhiệm:

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| - Ông Lê Văn Phong : | Trưởng Ban kiểm soát |
| - Ông Nguyễn Đình Huân : | Thành viên Ban kiểm soát |
| - Bà Ngô Thị Hồng Vân : | Thành viên Ban kiểm soát |

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát tổ chức họp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật, trong năm 2022 Ban kiểm soát đã tổ chức 2 cuộc họp nội bộ Ban kiểm soát. Các cuộc họp được tổ chức họp trực tiếp với sự tham gia 100% của tất cả các thành viên Ban kiểm soát.

3. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế nội bộ đối với HĐQT, BTGD trong việc quản lý và điều hành Công ty;

- Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, các cuộc họp giao ban điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm tra, giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông đối với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hằng năm đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,... của công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư của các dự án; thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập.

- Trình thẩm tra phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và xây dựng quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2022 của viên chức quản lý và người lao động.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

4. Thù lao của Ban kiểm soát.

Quỹ tiền lương và thù lao thực hiện của người quản lý và người lao động năm 2022: theo Nghị Quyết số 37/NQ-HĐQT ngày 30/3/2023 của công ty, quỹ tiền lương thực hiện

năm 2022 của người quản lý chuyên trách là 3.189.064.090 đồng, thù lao của người quản lý không chuyên trách là 312.000.000 đồng và quỹ tiền lương của người lao động là 27.938.315.331 đồng.

II. Hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2022:

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của Công ty:

- Báo cáo tài chính năm 2022 do Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán và đã có ý kiến đánh giá: “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

- Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo tài chính năm 2022 đã thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty. Những số liệu về tình hình tài chính của Công ty năm 2022 Ban kiểm soát thẩm tra và thống nhất số liệu như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN **Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	51.540.807.523	81.452.529.987
- Tiền và các khoản	110-BCĐKT	22.993.834.921	47.173.456.855
- Đầu tư tài chính dài hạn	120-BCĐKT	-	-
- Phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	15.704.592.857	18.742.086.595
- Hàng tồn kho	140-BCĐKT	9.949.794.254	11.543.872.658
- Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	2.892.585.491	3.993.113.879
* Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	458.927.195.436	437.065.502.944
- Tài sản cố định	220-BCĐKT	429.271.560.828	416.710.052.489
- Tài sản dở dang dài hạn	240-BCĐKT	9.347.762.747	5.749.129.490
- Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	20.307.871.861	14.606.320.965
TỔNG TÀI SẢN	270-BCĐKT	510.468.002.959	518.518.032.931
* Nợ phải trả	300-BCĐKT	99.185.235.736	113.258.068.139
- Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	52.486.427.556	45.191.259.959
- Nợ dài hạn	330-BCĐKT	46.698.808.180	68.066.808.180
* Vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	411.282.767.223	405.259.964.792
- Vốn góp của CSH	411-BCĐKT	294.000.000.000	294.000.000.000
- Quỹ ĐT phát triển	418-BCĐKT	82.003.265.065	67.491.101.778
- Lợi nhuận chưa p phối	421-BCĐKT	35.279.502.158	43.768.863.014

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
TỔNG NGUỒN VỐN	440-BCĐKT	510.468.002.959	518.518.032.931

2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022		So sánh
	Năm nay	Năm trước	%
Tổng doanh thu	217.311.042.046	210.562.698.535	103,2
Doanh thu thuần bán hàng và d vụ	215.476.525.880	206.496.138.467	104,3
Giá vốn bán hàng	76.983.372.775	83.176.171.651	92,6
Lợi nhuận gộp bán hàng và d vụ	138.493.153.105	123.319.966.816	112,2
Doanh thu hoạt động tài chính	716.626.446	1.561.177.396	45,9
Chi phí tài chính	4.143.997.475	5.082.393.195	81,5
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>4.143.997.475</i>	<i>5.082.393.195</i>	<i>81,5</i>
Chi phí bán hàng	50.854.885.908	45.813.151.720	111
Chi phí QLDN	18.734.839.268	18.025.053.675	103,9
LN thuần từ kinh doanh	65.476.056.900	55.960.545.622	116,8
Thu nhập khác	1.117.889.720	2.505.382.672	44,6
Chi phí khác	792.219.235	1.775.471.058	44,6
Lợi nhuận khác	325.670.485	729.911.614	44,6
Tổng lợi nhuận trước thuế	65.801.727.385	56.690.457.236	115,9
Chi phí thuế TNDN	11.235.713.110	9.917.185.542	113,1
Lợi nhuận sau thuế TNDN	54.566.014.275	46.773.271.694	116,5

Hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của Pháp luật. Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán được giám sát chặt chẽ theo Luật kế toán, số liệu ghi chép đầy đủ và kịp thời.

Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như doanh thu, lợi nhuận năm 2022 so với năm 2021 đều tăng, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu tổng doanh thu thực hiện năm 2022 là 217.311 triệu đồng, so với năm 2021 là 210.562 triệu đồng, đạt 103,2 %.

- Về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2022 là 65.801 triệu đồng, so với năm 2021 là 56.690 triệu đồng, đạt 115,9 %.

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2022 là 54.566 triệu đồng, so với năm 2021 là 46.773 triệu đồng, đạt 116,5 %.

3. Một số các chỉ tiêu thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Nghị quyết năm 2022	Thực hiện năm 2022	%TH
Sản lượng nước ghi thu (m ³)	20.409.000	20.499.306	100,4
Tỉ lệ thất thoát (%)	20,0	25,2	+5,2
Tổng doanh thu	216.000.000.000	217.311.042.046	100,6
Lợi nhuận trước thuế	53.000.000.000	65.801.727.385	124,1
Lợi nhuận sau thuế	44.000.000.000	54.566.014.275	124,0
Phải nộp ngân sách	100%	18.765.581.471	100
Gắn mới thủy lượng kế (cái)	3.000	3.527	117,6
Thay thủy lượng kế (cái)	18.400	18.636	101,3

Kết quả thực hiện một số các chỉ tiêu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đưa ra, cụ thể kết quả đạt được như sau:

- Chỉ tiêu sản lượng nước máy ghi thu, thực hiện năm 2022 là 20.499.306 m³, so với NQ năm 2022 là 20.409.000 m³, đạt 100,4 %.

- Chỉ tiêu tỉ lệ thất thoát nước thực hiện đến cuối 2022 là 25,2%; so với NQ đưa ra là 20,0%, tăng 5,2%.

- Chỉ tiêu tổng doanh thu, thực hiện năm 2022 là 217.311 triệu đồng, so với NQ đưa ra là 216.000 triệu đồng, đạt 100,6 %.

- Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế, thực hiện năm 2022 là 65.801 triệu đồng, so với NQ đưa ra là 53.000 triệu đồng, đạt 124,1 %.

- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế, thực hiện năm 2022 là 54.566 triệu đồng, so với NQ đưa ra là 44.000 triệu đồng, đạt 124,0 %.

- Số phải nộp ngân sách 18.765 triệu đồng, đạt 100%.

- Gắn mới thủy lượng kế thực hiện trong năm là 3.527 cái, NQ đưa ra 3.000 cái, đạt 117,6 %.

- Thay thủy lượng kế thực hiện trong năm là 18.636 cái, so với NQ đưa ra 18.400 cái, đạt 101,3%.

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị:

- Xây dựng kế hoạch mua sắm tài sản, vật tư và công cụ phục vụ cho quản lý và sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Mua xe tải có cầu phục vụ cho hoạt động cấp thoát nước của công ty.

- Mua nước thô từ sà lan phục vụ cho NMN Lương Quới cung cấp cho khu vực huyện Giồng Trôm.

- Đấu nối và tiếp nhận nước theo hợp đồng đã ký kết với Công ty nước và môi trường Đô Hoàn Sinh.

- Đấu nối cung cấp nước cho khu vực Long Thành – Sơn Phú và Hưng Phong, huyện Giồng Trôm.

- Thực hiện các công trình, dự án cấp nước: tuyến cấp nước MPVC D400 NMN Sơn Đông - Tân Thành, cụm xử lý 5.000m³/ngđ chi nhánh Phú Tân, bể chứa 1.000m³ trạm tăng áp Hàm Luông.

- Lập thủ tục hồ sơ vay vốn ngân hàng theo nghị quyết của HĐQT để thực hiện các dự án cấp nước.

- Thực hiện bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị tại các nhà máy nước, các chi nhánh cấp nước. Thường xuyên kiểm tra rò rỉ thất thoát nước trên mạng cấp nước để có kế hoạch sửa chữa kịp thời.

5. Công tác quản lý nội bộ:

- Giám sát việc thực hiện kiểm kê tài sản cố định, vật tư và công cụ tồn kho đến cuối năm 2021.

- Xây dựng và trình duyệt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Thẩm định phân phối lợi nhuận năm 2021 và xây dựng kế hoạch lợi nhuận năm 2022 trình duyệt.

- Phối hợp cùng trung tâm đấu giá trong việc thanh lý tài sản không dùng của công ty.

- Lập định mức sử dụng nhiên liệu cho xe, máy thi công của công ty.

6. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con với Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan:

BKS thường xuyên theo dõi, giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ đông lớn, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành, Kế toán trưởng và người có liên quan theo quy định. Trong năm 2022, không phát sinh giao dịch nào thuộc quy định báo cáo.

II. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp.

1. Hoạt động của HĐQT.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý luôn tuân thủ thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao theo các Quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty và Nghị Quyết của ĐHĐCĐ, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng quản trị họp định kỳ theo quý, và bất thường khi cần thiết, nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chỉ tiêu chính về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 đề ra chiến lược phát triển Công ty, các kế hoạch hoạt động ngắn hạn, trung hạn và định hướng cho Ban Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty. Tài liệu họp được chuẩn bị chu đáo, thời gian, địa điểm đúng theo giấy mời họp.

- Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2022; Xin ý kiến Chủ sở hữu về người đại diện vốn nhà nước tại công ty và tổ chức Đại hội cổ đông bất thường bầu thành viên HĐQT, chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc nhiệm kỳ 2020-2025; Tạm ứng cổ tức đợt 1 và thực hiện chi trả đợt 2 năm 2021 cho cổ đông công ty theo nghị quyết của ĐH.

- Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp và người đại diện năm 2021: kết quả doanh nghiệp xếp loại A và đánh giá người đại diện vốn nhà nước hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

- Ban Tổng Giám đốc với tinh thần trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng đã bám sát, chấp hành và triển khai kịp thời các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của HĐQT, đã thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động Công ty ổn định. Các cuộc họp giao ban được duy trì thường xuyên, thành phần dự họp đầy đủ, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, đưa ra các biện pháp giải quyết và kết luận ngay trong cuộc họp.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, điều hành mang lại hiệu quả trong quản lý.

- Các chế độ, quyền lợi của người lao động được đảm bảo như: sắp xếp lực lượng lao động trong Công ty phù hợp với sức khỏe và trình độ của người lao động. Thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định như: đóng nộp các loại bảo hiểm, chi trả lương, thưởng kịp thời, đầy đủ, chính xác, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo duy trì, người lao động có việc làm ổn định, đời sống được đảm bảo

III. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

- Ban Kiểm soát giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, giám sát triển khai tổ chức thực hiện nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Các công việc cần triển khai theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều được Ban Tổng giám đốc thực hiện đầy đủ, tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

- Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc phản hồi đầy đủ, kịp thời.

- Phối hợp với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng các quy chế của Công ty để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

IV. Kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động SXKD của Công ty. Tất các hoạt động này đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định liên quan. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, được kiểm toán theo đúng quy định hiện hành.

- Về công tác quản lý tài chính: Minh bạch, rõ ràng, ghi nhận và phản ánh trung thực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có phần cấp thoát nước Bến Tre năm 2022 là hiệu quả, công tác quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh của Ban điều hành đã được sự tín nhiệm của cổ đông.

V. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023:

- Căn cứ vào kết quả tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty. Ban kiểm soát đề ra kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

- Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;

- Tham gia các cuộc họp giao ban công ty, các cuộc họp của HĐQT khi được thông báo;
- Giám sát các hoạt động tại Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023. Giám sát việc chấp hành các Quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến hoạt động SXKD;
- Kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư năm 2023 của Công ty. Kiểm tra tính hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động SXKD, trong tổ chức kế toán và lập báo cáo tài chính, phối hợp với các đoàn kiểm tra, kiểm toán khi có yêu cầu; giám sát công tác kiểm kê cuối năm;
- Theo dõi kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra và cơ quan quản lý Nhà nước; Xem xét ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc Công ty, của các cổ đông và người lao động của Công ty;
- Kiểm tra báo cáo tài chính quý, năm 2023; tình hình sử dụng vốn và bảo toàn vốn của công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch năm 2023 của Công ty, xin kính trình đến ĐHĐCĐ.

Xin trân trọng cảm ơn quý cổ đông.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2023;
- Website của Công ty;
- Lưu: VT,TK

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Văn phong

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06 /TTr-ĐHCD

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt ngày 25/3/2023 như sau:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 (bản tóm tắt) được đính kèm trong Tài liệu đại hội.

- Toàn văn Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 được đăng tải trên website công ty: www.capnuocbentre.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Công ty;
- Lưu VT, TK.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2022

A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

Đvt: VND

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4
I	Tài sản ngắn hạn	51.540.807.523	81.452.529.987
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	22.993.834.921	47.173.456.855
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	15.704.592.857	18.742.086.595
3	Hàng tồn kho	9.949.794.254	11.543.872.658
4	Tài sản ngắn hạn khác	2.892.585.491	3.993.113.879
II	Tài sản dài hạn	458.927.195.436	437.065.502.944
1	Tài sản cố định	429.271.560.828	416.710.052.489
	+Tài sản cố định hữu hình	429.179.894.161	416.568.385.822
	+Tài sản cố định vô hình	91.666.667	141.666.667
2	Tài sản dở dang dài hạn	9.347.762.747	5.749.129.490
3	Tài sản dài hạn khác	20.307.871.861	14.606.320.965
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	510.468.002.959	518.518.032.931
III	Nợ phải trả	99.185.235.736	113.258.068.139
1	Nợ ngắn hạn	52.486.427.556	45.191.259.959
2	Nợ dài hạn	46.698.808.180	68.066.808.180
IV	Vốn chủ sở hữu	411.282.767.223	405.259.964.792
1	Vốn chủ sở hữu	411.282.767.223	405.259.964.792
	+Vốn góp của chủ sở hữu	294.000.000.000	294.000.000.000
	+Quỹ đầu tư phát triển	82.003.265.065	67.491.101.778
	+Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	35.279.502.158	43.768.863.014
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	510.468.002.959	518.518.032.931

B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

Đơn vị: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	215.477.843.148	206.496.868.501
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	1.317.268	730.034
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	215.476.525.880	206.496.138.467
4	Giá vốn hàng bán	76.983.372.775	83.176.171.651
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	138.493.153.105	123.319.966.816
6	Doanh thu hoạt động tài chính	716.626.446	1.561.177.396
7	Chi phí tài chính	4.143.997.475	5.082.393.195
8	Chi phí bán hàng	50.854.885.908	45.813.151.720
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.734.839.268	18.025.053.675
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	65.476.056.900	55.960.545.622
11	Thu nhập khác	1.117.889.720	2.505.382.672
12	Chi phí khác	792.219.235	1.775.471.058
13	Lợi nhuận khác	325.670.485	729.911.614
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.801.727.385	56.690.457.236
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.235.713.110	9.917.185.542
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.566.014.275	46.773.271.694
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.605	1.342
18	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.605	1.342

Bên Tre, ngày tháng năm 2023

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TRẦN HÙNG

Số: 07 /TTr- HĐQT

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua mức tiền lương kế hoạch, thù lao của thành viên
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty
kiêm Thư ký và Thư ký năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thông qua ngày 04/6/2022;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Bến Tre trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức tiền lương của thành viên HĐQT chuyên trách, Ban kiểm soát chuyên trách và người quản lý khác; thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách, Ban kiểm soát không chuyên trách, người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký HĐQT và Thư ký HĐQT năm 2022; Mức tiền lương kế hoạch thành viên HĐQT chuyên trách, Ban kiểm soát chuyên trách và người quản lý khác; thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách, Ban kiểm soát không chuyên trách, người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký HĐQT và Thư ký HĐQT năm 2023 cụ thể:sau:

STT	Chức vụ	Số người	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
			ĐVT: đồng	
I. TIỀN LƯƠNG, THƯỜNG			3.587.697.101	2.963.827.598
1.	Hội đồng quản trị		1.907.348.553	1.575.697.032
	- Chủ tịch	01	683.735.580	564.898.800
	- Tổng Giám đốc	01	646.776.900	534.634.000
	- Thành viên HĐQT	01	576.836.073	476.164.232
2.	Ban kiểm soát	01	576.836.073	476.164.232
3.	Quản lý chuyên trách	02	1.103.512.475	911.966.334
II. TIỀN THÙ LAO			312.000.000	312.000.000
1.	Hội đồng quản trị không chuyên trách	02	120.000.000	120.000.000
2.	Ban kiểm soát không chuyên trách	02	108.000.000	108.000.000
3.	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký và Thư ký	02	84.000.000	84.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Công ty;
- Lưu VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Hùng

Số: 08 /TTr-ĐHCĐ

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre;

- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

- Căn cứ Công văn số 2433/UBND-TH ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc phân phối lợi nhuận 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

I. Báo cáo về tình hình phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức năm 2022:

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế	69.202.714.002
1.1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 để lại	14.636.699.727
1.2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	54.566.014.275
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế	54.502.714.002
2.1	Quỹ thưởng Ban quản lý chuyên trách	398.633.011
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	14.779.502.158
2.3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.984.578.833
	+ Quỹ Khen thưởng (60%)	4.190.747.300
	+ Quỹ Phúc lợi (40%)	2.793.831.533
2.4	Lợi nhuận chia cổ tức, trong đó:	32.340.000.000
	+ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 để lại	14.636.699.727
	+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022	17.703.300.273
3	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau (5%)	14.700.000.000
4	Tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/ Vốn điều lệ (%)	11%

* Việc thực hiện chia cổ tức cho cổ đông:

- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 là 11%. Đã tạm ứng 5% trong tháng 1/2023, số còn lại 6% sẽ được trả với nội dung cụ thể như sau:

+ Ngày thông báo chốt danh sách cổ đông: 27/06/2023 (Thứ 3).

+ Ngày đăng ký cuối cùng: 12/07/2023 (Thứ 4).

+ Ngày bắt đầu chi trả cổ tức: 17/7/2023 (Thứ 2).

- Đối với cổ đông đã thực hiện đăng ký lưu ký qua Trung tâm lưu ký chứng khoán: Sẽ do Trung tâm lưu ký chứng khoán chuyển trả cổ tức vào tài khoản cá nhân đã mở.

- Đối với cổ đông chưa thực hiện đăng ký lưu ký: Công ty sẽ thực hiện chi trả dưới hai hình thức là chuyển khoản qua tài khoản của tổ chức/cá nhân cổ đông hoặc chi trả bằng tiền mặt.

- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ các thủ tục để chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định.

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức năm 2023:

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế	57.700.000.000
1.1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 để lại	14.700.000.000
1.2	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2023	43.000.000.000
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế	45.940.000.000
2.1	Quỹ thưởng Ban quản lý chuyên trách	220.000.000
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	10.120.000.000
2.3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.200.000.000
	+ Quỹ Khen thưởng (60%)	3.720.000.000
	+ Quỹ Phúc lợi (40%)	2.480.000.000
2.4	Lợi nhuận chia cổ tức, trong đó:	29.400.000.000
	+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 để lại	14.700.000.000
	+ Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2023	14.700.000.000
3	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau (4%)	11.760.000.000
4	Tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/ Vốn điều lệ (%)	10%

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Công ty;
- Lưu VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Hùng

Số: 09 /TTr- HĐQT

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;

- Căn cứ Công văn số 2433/UBND-TH ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc phân phối lợi nhuận 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Chỉ tiêu sản xuất		
	Sản lượng nước khai thác	m3	25.850.000
	Sản lượng nước tiêu thụ	m3	20.680.000
2	Chỉ tiêu kinh doanh		
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	218,000
	Tổng chi phí	Tỷ đồng	166,000
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52,000
	Thuế TNDN	Tỷ đồng	9,000
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	43,000
	Tỷ lệ nước thất thoát	%	20
3	Kế hoạch đầu tư phát triển		98,632
	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	73,107
	Mua sắm tài sản, vật tư	Tỷ đồng	25,525
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	294,000

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Công ty;
- Lưu VT, TK.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
BẾN TRE
T.P. BẾN TRE - T. BẾN TRE
Trần Hùng

Số: 10 /TTr- BKS

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập
kiểm toán Báo cáo soát xét và Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;

- Căn cứ danh sách doanh nghiệp kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận;

Để việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 có chất lượng, đảm bảo cung cấp thông tin xác thực về tình hình của Công ty. Sau khi xem xét năng lực của các Công ty Kiểm toán độc lập và căn cứ vào kết quả xét chào giá cạnh tranh của các đơn vị kiểm toán độc lập. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách ba (03) Công ty kiểm toán độc lập sau đây:

1. Công ty TNHH Dịch vụ TVTC Kế toán & Kiểm toán phía nam.

Địa chỉ: số 29 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Địa chỉ: Tầng 2; số 33 Phan văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.

Địa chỉ: Số 45 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM

Các Công ty kiểm toán trên đều có đủ năng lực và điều kiện phù hợp theo quy định, chất lượng dịch vụ tốt và chi phí hợp lý. Kính trình ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 trong 03 Công ty kiểm toán trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Công ty;
- Lưu VT, TK.



Lê Văn Phong

Số: 11 /TTr-ĐHCB

Bến Tre, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm của Bà Nguyễn Thị Kim Phượng – Thành viên HĐQT ngày 23 tháng 5 năm 2023;
- Căn cứ Biên bản họp số 20/BB-HĐQT ngày 25/5/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với Bà Nguyễn Thị Kim Phượng kể từ khi có kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Lý do: Công việc cá nhân.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Công ty;
- Lưu VT, TK.



Trần Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/06/2021;

Tôi tên: Nguyễn Thị Kim Phượng Sinh ngày: 22/10/1971

CCCD số 001171023671 cấp ngày 16/09/2022 nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHCVTTXH

Nơi đăng ký thường trú: 17 đường 13, Khu nhà ở Hiệp Bình Chánh, phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Hiện là Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Nay vì lý do công việc cá nhân, tôi không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ này. Tôi làm đơn này gửi đến Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre chấp thuận cho tôi xin từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025 kể từ ngày 21 tháng 06 năm 2023

Kính mong Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre chấp nhận đơn xin từ nhiệm của tôi.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2023

Người viết đơn

Nguyễn Thị Kim Phượng

Bến Tre, ngày tháng 6 năm 2023

Số: 12 /QC-ĐHCD

QUY CHẾ

Đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre nhiệm kỳ 2020 – 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực từ 01 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;

Đại hội đồng cổ đông công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đảm bảo được thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Mục tiêu đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông. Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

3. Đối tượng áp dụng: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu và các đơn vị có liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
- HĐQT: Hội đồng quản trị.
- ĐHĐCD: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- Đại biểu: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phiên họp ĐHĐCĐ đều nhận một phiếu bầu cử thành viên HĐQT trên phiếu có ghi rõ số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ và số phiếu tương ứng cổ đông được sử dụng để bầu.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội đồng cổ đông

- Tuân thủ các điều kiện và thể thức bầu cử quy định tại Quy chế này và tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ.

- Cổ đông, đại diện cổ đông phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban tổ chức ĐHĐCĐ. Khi được phát phiếu bầu cử phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức tại thời điểm nhận phiếu.

Điều 4. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 5. Đề cử, ứng cử bầu bổ sung vào HĐQT

1. Số lượng, nhiệm kỳ

- Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT: 01 người
- Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bầu bổ sung: thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020 - 2025.
- Số lượng ứng viên HĐQT tối đa: không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Người quản trị Công ty, Thư ký Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 6. Nguyên tắc bầu cử

1. Thực hiện bầu cử đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ hiện hành của Công ty, đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của các cổ đông.

2. Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín tại Đại hội.

3. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền bầu cử. Quyền bầu cử, kết quả bầu cử tính theo số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.

Điều 7. Quy định đề cử/ứng cử thành viên HĐQT

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ) có quyền đề cử người vào HĐQT. Cụ thể cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- Từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào HĐQT.

- Từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào HĐQT.

- Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào HĐQT.

- Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào HĐQT.

- Từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên vào HĐQT.

- Từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên vào HĐQT.

- Từ 70% đến 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên vào HĐQT.

- Từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên vào HĐQT.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử vào HĐQT

1. Hồ sơ đề cử/ứng cử vào HĐQT.

- Đơn xin đề cử/ứng cử bổ sung vào HĐQT (01 bản gốc theo mẫu).

- Sơ yếu lý lịch ứng viên (01 bản gốc theo mẫu).

- 01 Bản sao công chứng các giấy tờ sau: CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.

- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện ứng cử, đề cử theo Quy chế này quy định.

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: <https://capnuocbentre.vn/quan-he-co-dong/Tai-lieu-DHCD-thuong-nien-2023>)

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử, ứng cử:

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về Công ty trước **17h00 giờ**, ngày **23/06/2023** theo địa chỉ dưới đây:

- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023).

- Địa chỉ: Số 103, Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Điện thoại : (0275) 3825727 - Fax: (0275) 3827781

- Liên hệ: Nguyễn Trung Hiếu; điện thoại: 0919.240.240.

Điều 9. Danh sách ứng cử viên

Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2020 - 2025.

CHƯƠNG III. BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 10. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu

- Phiếu bầu được in thống nhất do Ban tổ chức phát hành: *phiếu màu vàng bầu bổ sung thành viên HĐQT.*

- Trên phiếu bầu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; Tên cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền; Tổng số phiếu biểu quyết.

- Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu thành viên HĐQT theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*) ngay khi đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.

2. Ghi phiếu bầu

- Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (*có giấy ủy quyền*), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

- Cổ đông không bỏ phiếu bầu cho ứng cử viên nào thì phải đánh dấu gạch chéo (x) vào ô số phiếu được bầu của ứng cử viên đó trong danh sách bầu cử.

- Ký xác nhận việc thực hiện bầu.

Điều 11. Phương thức bầu cử

1. Việc bầu bổ sung thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp).

2. Đại biểu sẽ được phát 01 phiếu bầu cử. Trên phiếu bầu cử của Đại biểu ghi rõ tổng số lượng phiếu bầu của Đại biểu: Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần cá nhân sở hữu và cổ phần được ủy quyền đại diện) x (nhân) với số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu (01). Cổ đông có thể sử dụng số cổ phần có quyền biểu quyết của mình để bầu cho một hoặc một số ứng cử viên. Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên theo phương thức bầu dồn phiếu không vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên Phiếu bầu cử.

Ví dụ 1: Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 01 thành viên bầu vào Hội đồng quản trị. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$1.000 \times 1 = 1.000 \text{ phiếu để bầu thành viên HĐQT}$$

Cụ thể: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 1 ứng cử viên bất kỳ nào trong bảng danh sách ứng cử viên được in trên phiếu biểu quyết bầu cử (ứng cử viên được chọn sẽ nhận được cả 1.000 phiếu bầu).

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	1.000
2. Ứng cử viên 2	X
3. Ứng cử viên 3	X
Tổng số phiếu bầu	3.000

Hoặc

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	X
2. Ứng cử viên 2	1.000
3. Ứng cử viên 3	X
Tổng số phiếu bầu	3.000

Điều 12. Quy định về phiếu bầu cử

1. Phiếu bầu hợp lệ

Là phiếu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự. Trên mỗi lá phiếu có mã đại biểu, tổng số cổ phần (sở hữu và được ủy quyền).

2. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra; phiếu không có dấu treo của công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;

- Phiếu ghi tên ứng cử viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (*bao gồm sở hữu và được ủy quyền*);

- Phiếu gạch bỏ hết tên các ứng cử viên;

- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;

- Phiếu không có chữ ký của đại biểu tham dự.

3. Trường hợp đại biểu trong quá trình ghi phiếu bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, thì trực tiếp gặp Ban tổ chức để được đổi lại phiếu bầu nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp sẽ không thể thay đổi kết quả bầu cử khi đã bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Điều 13. Nguyên tắc trúng cử và lựa chọn các ứng viên

1. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

2. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

3. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 14. Ban kiểm phiếu và trách nhiệm của Ban kiểm phiếu.

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội thông qua.

2. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra kết quả bầu cử một cách khách quan, chính xác và lập Biên bản kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, kết quả bầu cử được công nhận sau khi thông qua Biên bản bầu cử tại Đại hội.

4. Ban kiểm phiếu phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả bầu cử.

Điều 15. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu; và theo hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội.

3. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu ngay khi thời gian bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu phải kiểm tra tính hợp lệ của từng lá phiếu, kiểm tra lần lượt từng lá phiếu và ghi lại kết quả.

Điều 16. Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

2. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp trực tiếp và bỏ phiếu điện tử thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỷ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên thành viên HĐQT.

3. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Giải quyết khiếu nại

1. Các thắc mắc, khiếu nại về công tác bầu cử (nếu có) sẽ do Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông giải quyết.

2. Mỗi cổ đông đều có quyền chất vấn trước Đại hội về các vấn đề có liên quan về công tác bầu cử nếu xét thấy có dấu hiệu vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre kết thúc.

Trên đây là toàn bộ nội dung Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2020 - 2025 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2023;
- Website của Công ty;
- Ban kiểm phiếu;
- Lưu VT, TK.



Số: 43 /TTr-ĐHCĐ

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023

**TỜ TRÌNH
Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm của Bà Nguyễn Thị Kim Phượng – Thành viên HĐQT ngày 23 tháng 5 năm 2023;
- Căn cứ Biên bản họp số 20/BB-HĐQT ngày 25/5/2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025:

1. Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên HĐQT: 01 người.
- Nhiệm kỳ: thời gian còn lại nhiệm kỳ 2020-2025.
- Số lượng ứng viên HĐQT: không giới hạn.

2. Thông qua danh sách ứng cử viên:

STT	Họ và tên	Sinh ngày	Cổ đông đề cử	Vị trí ứng cử
1	Nguyễn Thụy Phương	16/10/1989	Công ty CP Cấp nước Thụy Anh	Thành viên ĐQT

(Đơn đề cử, Sơ yếu lý lịch và các văn bản có liên quan đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website của Công ty;
- Lưu VT, TK.




Trần Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- hạnh phúc

THÔNG BÁO ĐỀ CỬ
ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Bến Tre nhiệm kỳ 2020 - 2025
(Mẫu dành cho cổ đông / nhóm cổ đông đề cử)

Kính gửi: Ban tổ chức - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Hôm nay, ngày 15/6/2023 công ty chúng tôi là cổ đông sở hữu nắm giữ 5.109.510 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17,4% trên tổng số 29.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

TT	Cổ đông	ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / Tổng số cổ	Ký tên
1	Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	0313064474	5.109.510	17,4%	
	Tổng cộng		5.109.510	17,4%	

Thông nhất đề cử người có tên dưới đây tham gia ứng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Bến Tre nhiệm kỳ 2022 - 2026:

TT	Họ tên ứng cử viên	Số CMND/CCCD Hộ chiếu	Trình độ học vấn	Chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Thy Phương	068189000353	Thạc sĩ	Tài chính doanh nghiệp	300

Tôi/Chúng tôi cam kết sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu như đã đăng ký theo quy định đề các ứng cử viên có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn để tham gia ứng cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 vào ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông bầu chức danh trên. Đồng thời, cam kết các nội dung trong Đơn đề cử này là hoàn toàn chính xác, theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

Trân trọng./.

....., ngày 15 tháng 6 năm 2023

Đại diện cổ đông
(Ký, ghi rõ họ tên)



Dương Xuân Trường

Ghi chú: - Đính kèm Sơ yếu lý lịch, CCCD và cá nhân bản, chứng chỉ liên quan của các ứng viên;

- Đối với cổ đông pháp nhân

+ Người đại diện pháp luật ký tên và đóng dấu.

+ Trường hợp pháp nhân cử đại diện vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện vốn theo quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

**Ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Hội đồng quản trị của
Công ty cổ phần Cấp nước Bến Tre nhiệm kỳ (2020 - 2025)**



- Họ và tên : NGUYỄN THY PHƯƠNG
- Giới tính : Nữ
- Ngày, tháng, năm sinh: 16/10/1989
- Nơi sinh : Bảo Lộc, Lâm Đồng
- Quê quán : Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- CCCD : 068189000353 cấp ngày: 22/12/2021 nơi cấp: Cục CS QLHCVTTXH
- Địa chỉ thường trú : 331/19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc : 0938.313.982
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	CHỨC DANH, ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
2011 - 2012	CBNV Công ty CP SX Nhựa Duy Tân
2012 - 2014	CBNV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
2014 - 2018	CBNV Ngân hàng TMCP Quân Đội
2018 - nay	CBNV Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Hoàng Gia Việt Nam

- Chức vụ hiện nay tại BEWACO : Không
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Chức danh	Ngày được bầu, bổ nhiệm	Tên tổ chức
Thành viên HĐQT	28/06/2022	Công ty CP Du Lịch Việt Nam Hà Nội
Trưởng Ban kiểm soát	25/04/2023	Công ty CP Chứng Khoán Bảo Minh

- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 300 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ, trong đó:
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 300 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ

Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan cổ phần: Không

TT	QUAN HỆ	HỌ VÀ TÊN	CMND	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	SỐ CP SỞ HỮU

- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Chương trình hành động và cá nhân nếu được bầu vào ban kiểm soát của Bewaco.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai sót tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI KHAI


Nguyễn Thị Phương

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF
THE UNIVERSITY OF ECONOMICS HO CHI MINH CITY

has conferred
THE DEGREE OF BACHELOR
OF FINANCE AND BANKING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

cấp
BẰNG CỬ NHÂN
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Upon: Ms NGUYEN THY PHUONG

Date of birth: 16 October 1989

Year of graduation: 2011

Degree classification: Good

Mode of study: Full-time

Cho: Bà *Nguyễn Thy Phương*

Ngày sinh: 16/10/1989

Năm tốt nghiệp: 2011

Loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Chính quy

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 24-05-2023

Số CT.....25896.....02.....SCT

CÔNG CHỨNG VIÊN

Ho Chi Minh City, 10 October 2011



Trương Phước Hoàng Khánh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2011

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: 023403

Số vào sổ cấp bằng: K.33-2260

*GS.TS. Nguyễn Đông Phong

Reg. No: K.33-2260

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT OF
THE UNIVERSITY OF ECONOMICS HO CHI MINH CITY

confers

**THE DEGREE OF MASTER
IN FINANCE AND BANKING**

Upon: **Ms. NGUYEN THY PHUONG**

Date of birth: **16 October 1989**

Given under the seal of

The University of Economics Ho Chi Minh City

**CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: 24-05-2023

Số CT.....-SCT/BS

Serial number:

Reference number: 415/2015



Nguyễn Phước Hoàng Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

cấp

**BẰNG THẠC SĨ
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Cho: **Bà NGUYỄN THY PHƯƠNG**

Sinh ngày: **16/10/1989**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 9 năm 2015



GS.TS. Nguyễn Đông Phong

Số hiệu: 000472

Số vào sổ cấp bằng: 415/2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



UEH UNIVERSITY OF
ECONOMICS
HO CHI MINH CITY

BẰNG THẠC SĨ

BAN KIỂM PHIẾU

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã được Đại hội thống nhất thông qua;

Hôm nay vào lúc giờ phút; ngày 24 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường (Tầng 6) Nhà khách- Nhà hàng Hàm Luông, số 200C, đường Hùng Vương, phường 5, thành phố Bến Tre

Ban kiểm phiếu biểu quyết gồm:

1. Ông: Phan Thành Nhân - Trưởng ban;
2. Ông: Lương Minh Nghĩa - thành viên;
3. Ông: Nguyễn Duy Hiền - thành viên;
4. Ông: Hồ Lâm Trường- thành viên;
5. Ông: Phạm Hồng Hữu - thành viên.

Cùng tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung, tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Tính đến ... giờ 00 phút ngày 24 tháng 6 năm 2023 có ... Cổ đông và Người được ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội, đại diện sở hữu cho cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết từng nội dung như sau:

Nội dung biểu quyết	Đồng ý		Không đồng ý		Không có ý kiến	
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Nội dung 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023;						
Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022; Kế hoạch và giải pháp năm 2023;						

Nội dung biểu quyết	Đồng ý		Không đồng ý		Không có ý kiến	
	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %
Nội dung 3: Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của năm 2022 và Kế hoạch năm 2023;						
Nội dung 4: Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022;						
Nội dung 5: Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023;						
Nội dung 6: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;						
Nội dung 7: Tờ trình tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký, Thư ký năm 2023;						
Nội dung 8: Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo soát xét và Báo cáo tài chính 2023						
Nội dung 9: Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT						
Nội dung 10: Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.						

Ban Kiểm phiếu xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản này gồm 02 trang và được lập thành 02 bản, lưu trong hồ sơ Đại hội./.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

TM. BAN KIỂM PHIẾU
Trưởng ban

TRẦN HÙNG

PHAN THÀNH NHÂN

BAN KIỂM PHIẾU

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023



BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU BỔ SUNG

**Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre
nhiệm kỳ 2020 – 2025**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;

- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã được Đại hội thống nhất thông qua;

Hôm nay vào lúc giờ phút; ngày 24 tháng 6 năm 2023 tại Hội trường (Tầng 6) Nhà khách- Nhà hàng Hàm Luông, số 200C, đường Hùng Vương, phường 5, thành phố Bến Tre

Ban kiểm phiếu bầu cử và biểu quyết:

- Ông: Phan Thành Nhân - Trưởng ban;
- Ông: Lương Minh Nghĩa - thành viên;
- Ông: Nguyễn Duy Hiền - thành viên;
- Ông: Hồ Lâm Trường- thành viên;
- Ông: Phạm Hồng Hữu - thành viên.

Cùng tiến hành kiểm phiếu bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025. Tính đến.....giờ..... phút ngày 24 tháng 6 năm 2023 có Cổ đông và Người được ủy quyền đăng ký tham dự Đại hội, đại diện sở hữu cho cổ phần, chiếm tỷ lệ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Kết quả bầu cử như sau:

Số phiếu phát ra:		phiếu
Số phiếu thu về:		phiếu
Số phiếu hợp lệ:		phiếu
Tổng số cổ phần tham gia bầu cử hợp lệ:		phiếu
Số phiếu không hợp lệ :		Phiếu
Số lượng phiếu bầu tham gia bầu cử không hợp lệ:		Phiếu

Kết quả kiểm phiếu bầu như sau:

Số TT	Họ tên	Số lượng phiếu bầu	Tỷ lệ phiếu bầu / Tổng số CP có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội
1			
2			
3			

Căn cứ Thể lệ bầu cử, ứng viên đã trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre nhiệm kỳ 2020 – 2025 là: Ông/ Bà

Ban Kiểm phiếu bầu cử xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản này gồm 02 trang và được lập thành 02 bản, lưu trong hồ sơ Đại hội./.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

TM. BAN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ
Trưởng ban

PHAN THÀNH NHÂN

SỐ: /NQ-ĐHĐCĐ

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sửa đổi, bổ sung lần thứ 6) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/6/2021;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội cổ đông số /BB-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ Phần Cấp thoát nước Bến Tre được tổ chức với sự tham gia của cổ đông/ đại diện cổ đông, sở hữu cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Tờ trình, kết quả bầu cử tại đại hội, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thống nhất thông qua các Báo cáo và Tờ trình

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:..... cổ..... phần chiếm.....% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022; Kế hoạch và giải pháp năm 2023.

a) Kết quả thực hiện năm 2022:

Số TT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Năm 2022			So sánh TH 2022/ TH 2021 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH	
I	Các chỉ tiêu sản xuất						
1	Sản lượng nước khai thác	m ³	26.073.160	25.511.250	27.432.800	107,53	105,21
2	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	19.996.356	20.409.000	20.499.306	100,44	102,52
3	Tỷ lệ nước thất thoát	%	23,3	20	25,27	5,27	1,97
4	Gắn mới TLK	cái	2.919	3.000	3.527	117,57	120,83
5	Thay TLK	cái	19.149	18.400	18.636	101,28	97,32
II	Các chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	210,563	216,000	217,311	100,61	103,20
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	56,690	53,000	65,802	124,15	116,07
3	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	46,773	44,000	54,566	124,01	116,66
4	Nợ ngân sách	tỷ đồng	14,279	100% theo quy định	20,385	100%	142,76
5	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	9	9	11	2	2
6	Lợi nhuận còn lại	tỷ đồng	14,700	14,700	17,703	120,43	120,43
8	Thu nhập bình quân	triệu đồng	7,969	7,981	8,200	102,74	102,90

b) Công tác đầu tư, mua sắm thực hiện năm 2022.

Tổng giá trị đầu tư XDCB thực hiện năm 2022 là 62,159 tỷ đồng/175,3 tỷ (đạt 35,46%)

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:..... cổ..... phần chiếm...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 3: Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của năm 2022 và Kế hoạch năm 2023.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:..... cổ..... phần chiếm...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 4: Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022;:

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:..... cổ..... phần chiếm...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 5: Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.

a) Về phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức năm 2022:

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế	69.202.714.002
1.1	Lợi nhuận sau thuế năm 2021 để lại	14.636.699.727
1.2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	54.566.014.275
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế	54.502.714.002
2.1	Quỹ thưởng Ban quản lý chuyên trách	398.633.011
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	14.779.502.158
2.3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.984.578.833
	+ Quỹ Khen thưởng (60%)	4.190.747.300
	+ Quỹ Phúc lợi (40%)	2.793.831.533
2.4	Lợi nhuận chia cổ tức, trong đó:	32.340.000.000
	+ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 để lại	14.636.699.727
	+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022	17.703.300.273
3	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau (5%)	14.700.000.000
4	Tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/ Vốn điều lệ (%)	11%

*** Việc thực hiện chia cổ tức cho cổ đông:**

- Tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 là 9%. Đã tạm ứng 5% trong tháng 1/2022, số còn lại 4% sẽ được trả với nội dung cụ thể như sau:

- Ngày thông báo chốt danh sách cổ đông: 09/06/2022.

- Ngày đăng ký cuối cùng: 28/06/2022.

- Ngày chi trả cổ tức: 07/07/2022.

- Đối với cổ đông đã thực hiện đăng ký lưu ký qua Trung tâm lưu ký chứng khoán: Sẽ do Trung tâm lưu ký chứng khoán chuyển trả cổ tức vào tài khoản cá nhân đã mở.

- Đối với cổ đông chưa thực hiện đăng ký lưu ký: Công ty sẽ thực hiện chi trả dưới hai hình thức là chuyển khoản qua tài khoản của tổ chức/cá nhân cổ đông hoặc chi trả bằng tiền mặt.

- Ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ các thủ tục để chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định.

b) Về Kế hoạch phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chia cổ tức năm 2023:

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận sau thuế	57.700.000.000
1.1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 để lại	14.700.000.000
1.2	Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2023	43.000.000.000
2	Phân phối lợi nhuận sau thuế	45.940.000.000
2.1	Quỹ thưởng Ban quản lý chuyên trách	220.000.000
2.2	Quỹ đầu tư phát triển	10.120.000.000
2.3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	6.200.000.000
	+ Quỹ Khen thưởng (60%)	3.720.000.000
	+ Quỹ Phúc lợi (40%)	2.480.000.000
2.4	Lợi nhuận chia cổ tức, trong đó:	29.400.000.000
	+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 để lại	14.700.000.000
	+ Lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2023	14.700.000.000
3	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau (4%)	11.760.000.000
4	Tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/ Vốn điều lệ (%)	10%

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:..... cổ..... phần chiếm...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 6: Tờ trình thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Chỉ tiêu sản xuất		
	Sản lượng nước khai thác	m ³	25.850.000
	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	20.680.000
2	Chỉ tiêu kinh doanh		
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	218,000
	Tổng chi phí	Tỷ đồng	166,000
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	52,000
	Thuế TNDN	Tỷ đồng	9,000
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	43,000
	Tỷ lệ nước thất thoát	%	20
3	Kế hoạch đầu tư phát triển		98,632
	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	73,107
	Mua sắm tài sản, vật tư	Tỷ đồng	25,525
4	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	294,000

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:..... cổ.... phần chiếm...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 7: Tờ trình tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký, Thư ký năm 2023:

STT	Chức vụ	Số người	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
			ĐVT: đồng	
I. TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG			3.587.697.101	2.963.827.598
1.	Hội đồng quản trị		1.907.348.553	1.575.697.032
	- Chủ tịch	01	683.735.580	564.898.800
	- Tổng Giám đốc	01	646.776.900	534.634.000
	- Thành viên HĐQT	01	576.836.073	476.164.232
2.	Ban kiểm soát	01	576.836.073	476.164.232
3.	Quản lý chuyên trách	02	1.103.512.475	911.966.334
II. TIỀN THÙ LAO			312.000.000	312.000.000
1.	Hội đồng quản trị không chuyên trách	02	120.000.000	120.000.000
2.	Ban kiểm soát không chuyên trách	02	108.000.000	108.000.000
3.	Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký và Thư ký	02	84.000.000	84.000.000

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:..... cổ.... phần chiếm...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 8: Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo soát xét và Báo cáo tài chính 2023:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 trong 03 công ty kiểm toán dưới đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

1. Công ty TNHH Dịch vụ TVTC Kế toán & Kiểm toán phía nam.

Địa chỉ: số 29 Võ Thị Sáu, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Địa chỉ: Tầng 2; số 33 Phan văn Khỏe, Phường 13, Quận 5, TP Hồ Chí Minh.

3. Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam.

Địa chỉ: Số 45 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, Tp.HCM

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:..... cổ.... phần chiếm...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 9: Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:..... cổ.... phần chiếm...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 10: Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.

Tỷ lệ biểu quyết thông qua:..... cổ.... phần chiếm...% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Điều 2. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 gồm 01 thành viên:

- Ông/Bà- trúng cử vào thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 với; đạt tỷ lệ

Điều 3. Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có trách nhiệm chỉ đạo, lãnh đạo triển khai thực hiện nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết này cho Đại hội đồng cổ đông tại phiên họp thường niên năm 2024. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông (qua website Công ty);
- HĐQT, BKS; Ban điều hành
- UBCKNN, HNX, Website;
- Lưu Thư ký, VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của **JPA International**
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 31
7. Phụ lục 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	32



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (tên viết tắt là: BEWACO) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 14 tháng 08 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300107725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 (hình thức Công ty TNHH Một thành viên); và đã điều chỉnh lần 04 thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy đăng ký doanh nghiệp số 1300107725 ngày 01 tháng 12 năm 2015 (chính thức chuyển sang công ty cổ phần), đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 03 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp.

Vốn điều lệ: 294.000.000.000 đồng (hai trăm chín mươi bốn tỷ đồng Việt Nam).

Công ty đang giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là NBT.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
- Điện thoại : +84 (275) 3 825 727
- Fax : +84 (275) 3 827 781
- Mã số thuế : 1300107725

• Thông tin về chi nhánh

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc

STT	Tên chi nhánh và địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp.	Số 81A, Ấp 1, Quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	1300107725-002
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng.	Số 103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-003
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Giồng Trôm.	Số 005, Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.	1300107725-004
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Chợ Lách.	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.	1300107725-005
5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Mỏ Cày.	Ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-006
6	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Phú Tân.	Số 81A, QL60, Khu phố 1, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	1300107725-007

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	01/01/2023	-
Bà Nguyễn Thị Diễm Phương	Chủ tịch HĐQT	20/11/2020	01/01/2023
Ông Trần Thanh Bình	Thành viên	20/11/2020	-
Ông Phan Thanh Bình	Thành viên	01/01/2023	-
Ông Phan Đình Tân	Thành viên	20/11/2020	-
Bà Nguyễn Thị Kim Phương	Thành viên	20/11/2020	-

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Phong	Trưởng ban	20/11/2020	-
Ông Nguyễn Đình Huấn	Thành viên	20/11/2020	-
Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên	20/11/2020	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Thanh Bình	Tổng Giám đốc	01/01/2023	-
Ông Trần Hùng	Tổng Giám đốc	20/12/2018	01/01/2023
Ông Phan Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2019	-

5. Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 là bà Nguyễn Thị Diễm Phương (Chủ tịch hội đồng quản trị).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2023 đến ngày lập báo cáo này là Ông Trần Hùng (Chủ tịch hội đồng quản trị)

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 32.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán,
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRẦN HÙNG

Chủ tịch

Bến Tre, ngày 25 tháng 3 năm 2023.





Số: 21/65/23/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2023 (từ trang 07 đến trang 32), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Trần Văn Hiệp - Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

175
TY
HỮU
HẠN
KIỂM
TOÁN
VÀ
TƯ
VẤN
CHUẨN
VIỆT
HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		51.540.807.523	81.452.529.987
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	22.993.834.921	47.173.456.855
111	1. Tiền		10.549.467.798	20.881.686.552
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.444.367.123	26.291.770.303
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.704.592.857	18.742.086.595
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	15.050.742.665	17.613.272.417
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	472.829.802	941.185.003
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		181.020.390	187.629.175
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	9.949.794.254	11.543.872.658
141	1. Hàng tồn kho		9.949.794.254	11.543.872.658
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.892.585.491	3.993.113.879
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5a	1.316.404.678	1.143.207.500
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.471.851.824	2.762.767.205
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	104.328.989	87.139.174
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		458.927.195.436	437.065.502.944
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		429.271.560.828	416.710.052.489
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	429.179.894.161	416.568.385.822
222	- Nguyên giá		899.368.958.869	848.508.939.031
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(470.189.064.708)	(431.940.533.209)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	91.666.667	141.666.667
228	- Nguyên giá		1.338.000.000	1.338.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.246.333.333)	(1.196.333.333)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		9.347.762.747	5.749.129.490
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	9.347.762.747	5.749.129.490
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		20.307.871.861	14.606.320.965
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.5b	20.307.871.861	14.606.320.965
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		510.468.002.959	518.518.032.931

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE


Địa chỉ: Số 103 Đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		99.185.235.736	113.258.068.139
310	I. Nợ ngắn hạn		52.486.427.556	45.191.259.959
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	6.166.966.083	7.947.877.727
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	185.136.870	208.686.984
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	2.378.961.685	3.981.249.355
314	4. Phải trả người lao động	V.12	5.411.329.372	4.244.974.174
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	600.870.947	782.127.778
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14a	12.592.238.341	3.045.360.116
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	18.536.000.000	18.512.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	6.614.924.258	6.468.983.825
330	II. Nợ dài hạn		46.698.808.180	68.066.808.180
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.14b	2.922.808.180	5.922.808.180
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	43.776.000.000	62.144.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.17	411.282.767.223	405.259.964.792
410	I. Vốn chủ sở hữu		411.282.767.223	405.259.964.792
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		294.000.000.000	294.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		294.000.000.000	294.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		82.003.265.065	67.491.101.778
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		35.279.502.158	43.768.863.014
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	14.700.000.000
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		35.279.502.158	29.068.863.014
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		510.468.002.959	518.518.032.931

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG



TRẦN HÙNG

ngày 25 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

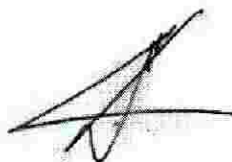
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	215.477.843.148	206.496.868.501
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.317.268	730.034
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		215.476.525.880	206.496.138.467
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	76.983.372.775	83.176.171.651
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		138.493.153.105	123.319.966.816
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	716.626.446	1.561.177.396
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.143.997.475	5.082.393.195
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.143.997.475	5.082.393.195
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	50.854.885.908	45.813.151.720
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	18.734.839.268	18.025.053.675
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		65.476.056.900	55.960.545.622
31	11. Thu nhập khác	VI.7	1.117.889.720	2.505.382.672
32	12. Chi phí khác		792.219.235	1.775.471.058
40	13. Lợi nhuận khác		325.670.485	729.911.614
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		65.801.727.385	56.690.457.236
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	11.235.713.110	9.917.185.542
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		54.566.014.275	46.773.271.694
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	1.605	1.342
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	1.605	1.342

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG



ngày 25 tháng 3 năm 2023

Chức vụ: HDQT

TRẦN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 Đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		234.921.314.601	220.040.759.297
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(81.174.315.024)	(101.042.590.838)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(35.369.489.182)	(38.402.254.127)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(4.325.254.306)	(5.263.709.861)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(12.683.150.368)	(6.651.918.293)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.834.415.205	1.126.692.287
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(23.031.474.749)	(23.028.686.893)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		80.172.046.177	46.778.291.572
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(56.163.116.217)	(44.875.240.316)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		1.095.250.000	10.499.999
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	(1.933.389.824)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	62.806.972.952
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		723.235.231	2.513.442.215
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(54.344.630.986)	18.522.285.026
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.14	168.000.000	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.14	(18.512.000.000)	(18.512.000.000)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.16	(31.663.037.125)	(26.460.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(50.007.037.125)	(44.972.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(24.179.621.934)	20.328.576.598
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		47.173.456.855	26.844.880.257
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	22.993.834.921	47.173.456.855

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG



Ngày 25 tháng 3 năm 2023

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

TRẦN HÙNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (Sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bến Tre, với cổ phần vốn Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay tăng 4% so với năm trước. Công ty triển khai các kế hoạch ứng phó với hạn mặn tốt, chi phí mua nước thô giảm tương ứng 7% so với năm trước. Ngoài ra, các khoản nợ vay ngân hàng thanh toán trong năm đáng kể nên chi phí lãi vay giảm 18% so với năm trước. Tất cả yếu tố trên dẫn đến lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty tăng 16% so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Thông tin về chi nhánh

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Tên chi nhánh và địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp.	Số 81A, Ấp 1, Quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	1300107725-002
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng.	Số 103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-003
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Giồng Trôm.	Số 005, Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.	1300107725-004
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Chợ Lách.	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.	1300107725-005

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Mỏ Cây.	Ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-006
6	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Phú Tân.	Số 81A, QL60, Khu phố 1, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	1300107725-007

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 289 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 295 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

S. / C.
Y
QUA
TUVI
VIET
S. / C.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tạm trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm: vật tư, nước sạch thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, thành phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng hoạt động xây dựng đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Dự án đầu tư Nhà máy nước An Hiệp và Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cây Bắc và huyện Mỏ Cây Nam (miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm 2017 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2021).

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

2023
C
I
A
C
H
T
M
T
C
H
I
S

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÈN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

19. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm nay được trình bày lại theo số liệu trên Biên Bản kiểm toán Nhà nước Khu vực IX ngày 14/10/2022. Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số dư cuối năm trước	Số đầu năm nay trình bày lại	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
A. Tài sản ngắn hạn	100	81.436.657.541	81.452.529.987	15.872.446
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	18.726.214.149	18.742.086.595	15.872.446
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	925.312.557	941.185.003	15.872.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	518.502.160.485	518.518.032.931	15.872.446
C. Nợ phải trả	300	113.178.895.420	113.258.068.139	79.172.719
I. Nợ ngắn hạn	310	45.112.087.240	45.191.259.959	79.172.719
Phải trả người bán ngắn hạn	311	7.932.005.281	7.947.877.727	15.872.446
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.917.949.082	3.981.249.355	63.300.273
D. Vốn chủ sở hữu	400	405.323.265.065	405.259.964.792	(63.300.273)
I. Vốn chủ sở hữu	410	405.323.265.065	405.259.964.792	(63.300.273)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	43.832.163.287	43.768.863.014	(63.300.273)
Lợi nhuận sau thuế chưa phối kỳ này	421b	29.132.163.287	29.068.863.014	(63.300.273)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	518.502.160.485	518.518.032.931	15.872.446

Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm trước	Số năm trước trình bày lại	Chênh lệch
		(1)	(2)	(3) = (2) - (1)
Giá vốn hàng bán	11	83.100.203.491	83.176.171.651	75.968.160
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	123.395.934.976	123.319.966.816	(75.968.160)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	56.036.513.782	55.960.545.622	(75.968.160)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	56.766.425.396	56.690.457.236	(75.968.160)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	9.929.853.429	9.917.185.542	(12.667.887)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	46.836.571.967	46.773.271.694	(63.300.273)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.345	1342	(3)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.345	1342	(3)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu (*)	9.879.482.235	-	11.465.077.929	-
- Công cụ, dụng cụ	16.244.294	-	15.567.925	-
- Chi phí SXKD dở dang	54.067.725	-	63.226.804	-
Cộng	9.949.794.254	-	11.543.872.658	-

(*) Nguyên vật liệu chủ yếu là các thiết bị về ngành nước (ống nước, thủy lượng kế....)

5. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là khoản chi phí mua bảo hiểm.

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí đồng hồ gắn và thay mới thủy lượng kế	15.742.444.292	11.189.865.802
- Chi phí trả trước dài hạn khác	4.565.427.569	3.416.455.163
Cộng	20.307.871.861	14.606.320.965

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	14.606.320.965	10.821.304.479
Tăng trong năm	16.666.100.129	11.297.874.413
Phân bổ trong năm	(10.964.549.233)	(7.512.857.927)
Số dư cuối năm	20.307.871.861	14.606.320.965

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	203.992.401.222	72.642.494.760	565.295.099.298	6.578.943.751	848.508.939.031
Tăng trong năm	7.357.002.900	7.516.676.759	39.608.275.833	30.081.818	54.512.037.310
- Tăng do mua mới	-	140.000.000	3.179.533.802	30.081.818	3.349.615.620
- Đầu tư XDCB hoàn thành	7.357.002.900	7.376.676.759	36.428.742.031	-	51.162.421.690
Giảm trong năm	(248.911.521)	(1.222.353.794)	(2.172.141.746)	(8.610.411)	(3.652.017.472)
- Giảm do thanh lý	-	(1.218.182.000)	-	-	(1.218.182.000)
- Giảm khác	(248.911.521)	(4.171.794)	(2.172.141.746)	(8.610.411)	(2.433.835.472)
Số cuối năm	211.100.492.601	78.936.817.725	602.731.233.385	6.600.415.158	899.368.958.869
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.668.702.494	12.725.767.369	123.458.049.986	591.040.000	156.443.559.849
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	94.010.793.756	33.799.256.407	302.319.048.972	1.811.454.074	431.940.553.209
Tăng trong năm	8.683.761.794	6.023.258.093	24.372.850.470	751.381.886	39.831.252.243
- Khấu hao	8.683.761.794	6.023.258.093	24.372.850.470	751.381.886	39.831.252.243
Giảm trong năm	(134.598.765)	(1.219.602.644)	(226.413.640)	(2.125.695)	(1.582.740.744)
- Giảm do thanh lý	-	(1.218.182.000)	-	-	(1.218.182.000)
- Giảm khác	(134.598.765)	(1.420.644)	(226.413.640)	(2.125.695)	(364.558.744)
Số cuối năm	102.559.956.785	38.602.911.856	326.465.485.802	2.560.710.265	470.189.064.708
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	109.981.607.466	38.843.238.353	262.976.050.326	4.767.489.677	416.568.385.822
Số cuối năm	108.540.535.816	40.333.905.869	276.265.747.583	4.039.704.893	429.179.894.161
Giá trị còn lại tài sản cầm cố, thế chấp (Xem tại thuyết minh số V.15)	60.100.015.357	7.569.218.392	83.694.454.762	-	151.363.688.511

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. Tài sản cố định vô hình

	<u>Chương trình, phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.338.000.000	1.338.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>1.338.000.000</u>	<u>1.338.000.000</u>
Trong đó:		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.188.000.000	1.188.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	1.196.333.333	1.196.333.333
Khấu hao trong năm	50.000.000	50.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>1.246.333.333</u>	<u>1.246.333.333</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	<u>141.666.667</u>	<u>141.666.667</u>
Số cuối năm	<u>91.666.667</u>	<u>91.666.667</u>

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	3.000.000	1.841.914.071	(1.841.914.071)	(3.000.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	4.879.024.443	52.563.153.183	(48.125.256.626)	(151.245.237)	9.167.675.763
- Bể nước sạch 1000 trạm Hàm Luông	-	5.530.369.218	-	-	5.530.369.218
- MLCN Huyện Giồng Trôm Đ1-2021; MLCN Huyện Giồng Trôm Đợt 3/2022-ông CN Các loại	850.738.497	1.719.032.305	(1.194.163.970)	(1.998.497)	1.373.608.335
- Tuyến ống CN từ NMN Hữu Định về Khu Công nghiệp Giao Long	103.463.002	779.168.926	-	(30.448.601)	852.183.327
- HR CNCN Chợ Lách; MLCN Mỏ Cây Bặc Đ1/2021; MLCN TPBT Đ 1/2022	5.150.000	700.160.008	(45.408.056)	-	659.901.952
- Các công trình khác	3.919.672.944	43.836.422.726	(46.885.684.600)	(118.798.139)	751.612.931
Sửa chữa lớn TSCĐ	<u>867.105.047</u>	<u>4.560.501.116</u>	<u>(3.038.185.064)</u>	<u>(2.209.334.115)</u>	<u>180.086.984</u>
Cộng	<u>5.749.129.490</u>	<u>58.967.568.370</u>	<u>(53.005.355.761)</u>	<u>(2.363.579.352)</u>	<u>9.347.762.747</u>

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	6.166.966.083	7.947.877.727
- Công ty TNHH Việt Thanh Sơn	2.255.606.601	-
- Sở Tài Chính Bến Tre	563.629.255	279.506.782
- Công ty CP Xây dựng Toàn Thắng Lợi	284.687.642	-
- Các nhà cung cấp khác	<u>3.063.042.585</u>	<u>7.668.370.945</u>
Cộng	<u>6.166.966.083</u>	<u>7.947.877.727</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là các khoản nhận ứng trước tiền cung cấp nước sạch tại các huyện.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT đầu ra	-	29.039.076	-	-	-	29.039.076
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.932.382.183	-	11.235.713.110	(12.683.150.368)	1.484.944.925	-
- Thuế thu nhập cá nhân	238.206.451	-	321.347.752	(300.725.160)	258.829.043	-
- Thuế tài nguyên	309.271.721	-	846.107.129	(1.040.653.721)	114.725.129	-
- Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
- Phí bảo vệ môi trường	501.389.000	-	5.948.475.642	(5.929.402.054)	520.462.588	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	58.100.098	177.074.420	(194.264.235)	-	75.289.913
- Các loại thuế khác	-	-	227.863.418	(227.863.418)	-	-
Cộng	3.981.249.355	87.139.174	18.765.581.471	(20.385.058.956)	2.378.961.685	104.328.989

11a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

11b. Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	65.801.727.385	56.690.457.236
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	826.813.844	2.781.997.081
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	66.628.541.229	59.472.454.317
Thu nhập được ưu đãi thuế (*)	20.899.951.357	19.773.053.213
+ Thu nhập được giảm 50% thuế	20.899.951.357	19.773.053.213
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	13.325.708.246	11.894.490.863
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	2.089.995.136	(1.977.305.321)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.235.713.110	9.917.185.542

(*) Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khi thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế Tỉnh Bến Tre. Bao gồm: Dự án đầu tư Nhà máy nước An Hiệp và Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mô Cày Bắc và huyện Mô Cày Nam (miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm 2017 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2021).

12. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương còn phải trả cho viên chức quản lý và cán bộ công nhân viên.

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Viên chức quản lý, kiểm soát viên	1.370.532.900	1.412.601.335
- Cán bộ công nhân viên	4.040.796.472	2.832.372.839
Cộng	5.411.329.372	4.244.974.174

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả của các ngân hàng.

14. Phải trả ngắn hạn khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	12.592.238.341	3.045.360.116
- Cổ tức phải trả	9.496.962.875	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	83.445.105	45.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.011.830.361	3.000.360.116
Cộng	<u>12.592.238.341</u>	<u>3.045.360.116</u>

14b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nợ ngân sách Nhà nước theo biên bản kiểm toán Nhà nước năm 2017.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.536.000.000	18.536.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bến Tre ⁽¹⁾	18.512.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000
- Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam CN Bến Tre ⁽²⁾	24.000.000	24.000.000		
Cộng	<u>18.536.000.000</u>	<u>18.536.000.000</u>	<u>18.512.000.000</u>	<u>18.512.000.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Chuyển từ vay dài hạn sang</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Nợ dài hạn đến hạn trả	18.512.000.000	-	18.536.000.000	(18.512.000.000)	18.536.000.000
Cộng	<u>18.512.000.000</u>	<u>-</u>	<u>18.536.000.000</u>	<u>(18.512.000.000)</u>	<u>18.536.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	43.776.000.000	43.776.000.000	62.144.000.000	62.144.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽¹⁾	43.632.000.000	43.632.000.000	62.144.000.000	62.144.000.000
- Ngân hàng Thương mại CP Công thương Việt Nam CN Bến Tre ⁽²⁾	144.000.000	144.000.000	-	-
Cộng	43.776.000.000	43.776.000.000	62.144.000.000	62.144.000.000

⁽¹⁾ Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng vốn ODA theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính (thay mặt cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre ngày 28/08/1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/04/2008.

- Hạn mức: 64.836.778.484 đồng;

- Thời hạn vay: 25 năm (ân hạn 5 năm từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn phụ);

- Lãi suất: 5%/năm;

- Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 03/2010/HĐCTS-NHPT-PC ngày 06/09/2010 gồm tài sản hình thành trong tương lai và trụ sở làm việc. Chi tiết xem tại Thuyết minh số V.7 – Tài sản cố định hữu hình;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 15.124.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2023 là 4.322.000.000 đồng.

b) Khoản vay bằng vốn ODA do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tài trợ theo hợp đồng số 01/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 23/04/2013, hợp đồng sửa đổi số 01A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 19/06/2013, phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐODA-NHPTVN ngày 18/04/2014, hợp đồng sửa đổi số 02A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 02/07/2014

- Hạn mức: 177.360.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 15 năm (ân hạn 2,5 năm từ ngày giải ngân lần đầu);

- Lãi suất: 5%/năm (trong hạn), 7,5%/năm (quá hạn);

- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước An Hiệp huyện Châu Thành giai đoạn 1, công suất 15.000 m³/ngày;

- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.7 – Tài sản cố định hữu hình;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 47.020.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2022 là 14.190.000.000 đồng;

⁽²⁾ Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 27873.069/2022-HĐCVDADT/NHCT780005-BEWACO ngày 30/12/2022.

- Hạn mức: 16.500.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 84 tháng

- Lãi suất: 13%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);

- Mục đích vay: Vay bù đắp

- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 168.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2023 là 24.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển sang nợ ngắn hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Nợ dài hạn đến hạn trả	62.144.000.000	168.000.000	(18.536.000.000)	-	43.776.000.000
Cộng	62.144.000.000	168.000.000	(18.536.000.000)	-	43.776.000.000

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.180.581.896	6.984.578.833	8.216.000	(6.847.085.482)	6.326.291.247
Quỹ khen thưởng ban điều hành	288.401.929	398.633.011	-	(398.401.929)	288.633.011
Cộng	6.468.983.825	7.383.211.844	8.216.000	(7.245.487.411)	6.614.924.258

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	188.160.000.000	64,00	188.160.000.000	64,00
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	51.095.100.000	17,38	51.095.100.000	17,38
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	44.100.000.000	15,00	44.100.000.000	15,00
- Khác	10.644.900.000	3,62	10.644.900.000	3,62
Cộng	294.000.000.000	100,00	294.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	294.000.000.000	294.000.000.000	-
Cộng	294.000.000.000	294.000.000.000	-

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	294.000.000.000	294.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	294.000.000.000	294.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích lập	41.160.000.000	26.460.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(31.663.037.125)	(26.460.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải chi	9.496.962.875	-

75-C
 TY
 KHUHN
 A TUV
 I VI
 HO C

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

17d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP

17e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

17f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 04/06/2022.

• Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	:	26.460.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2021	:	2.672.163.287
Cộng		29.132.163.287

Trong năm, Công ty tạm phân phối lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 theo Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 04/06/2022 và Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT kí ngày 28/11/2022.

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022	:	6.984.578.833
• Trích quỹ thưởng ban điều hành năm 2022	:	398.633.011
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2022	:	11.840.000.000
• Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022		14.700.000.000
Cộng		33.923.211.844

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**18a. Tài sản nhận giữ hộ**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên giá của tài sản cố định nhận giữ hộ (*)	14.159.178.193	14.159.178.193

(*) Những công trình từ nguồn vốn ngân sách, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre bàn giao cho Công ty giữ hộ.

18b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nợ khó đòi đã xử lý	810.711.221	811.466.906

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu cung cấp nước sạch	213.318.804.606	203.898.722.281
- Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	1.341.516.630	1.935.892.877
- Doanh thu từ hoạt động thu phí BVMT	611.198.541	79.787.886
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	205.006.103	581.735.423
Cộng	<u>215.476.525.880</u>	<u>206.496.138.467</u>
2. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn cung cấp nước sạch	75.173.019.025	80.700.196.688
- Giá vốn thi công tuyến cấp thoát nước	1.324.740.759	1.918.751.766
- Giá vốn từ hoạt động thu phí BVMT	365.568.000	70.462.155
- Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	120.044.991	486.761.042
Cộng	<u>76.983.372.775</u>	<u>83.176.171.651</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Toàn bộ là lãi tiền gửi ngân hàng.		
4. Chi phí tài chính		
Toàn bộ là chi phí lãi vay các ngân hàng.		
5. Chi phí bán hàng		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	10.675.170.650	9.677.091.60
- Chi phí vật liệu, công cụ	12.363.123.285	10.145.972.784
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.707.194.464	23.987.286.334
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	2.109.397.509	2.002.801.002
Cộng	<u>50.854.885.908</u>	<u>45.813.151.720</u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	10.971.975.514	10.893.280.988
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.487.220.604	1.508.072.408
- Chi phí phân bổ	2.267.786.141	2.518.714.753
- Thuế, phí và lệ phí	33.379.832	26.543.655
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	3.974.477.177	3.078.441.871
Cộng	<u>18.734.839.268</u>	<u>18.025.053.675</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
- Thanh lý tài sản – vật tư	1.082.741.260	9.545.454
- Phí BVMT được để lại (*)	-	2.489.083.839
- Các khoản khác	35.148.460	6.753.379
Cộng	<u>1.117.889.720</u>	<u>2.505.382.672</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÈN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(*) Là khoản phí BVMT được để lại của các năm trước không sử dụng hết, do từ tháng 07/2020 đã thực hiện theo Nghị định 53/2020/NĐ-CP ký ngày 05/05/2020, số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức cung cấp nước sạch.

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.235.713.110	9.917.185.542
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.235.713.110	9.917.185.542

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.566.014.275	46.773.271.694
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
+ Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành (*)	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.182.802.431	39.468.863.014
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	29.400.000	29.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.605	1.342

(*) Số quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành trong năm là số tạm tính tỷ lệ nêu trong Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2022. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	54.566.014.275	46.773.271.694
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
+ Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành (*)	(7.383.211.844)	(7.304.408.680)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.182.802.431	39.468.863.014
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) (**)	29.400.000	29.400.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (cổ phiếu)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.605	1.342

(*) Số quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành trong năm là số tạm tính tỷ lệ nêu trong Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/06/2022. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) được tính như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	29.400.000
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.400.000

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.686.110.646	30.520.268.296
- Chi phí nhân công	38.804.052.579	37.838.302.732
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.881.252.243	37.207.003.398
- Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	34.201.682.483	41.448.802.620
Cộng	146.573.097.951	147.014.377.046

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VNĐ)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Diễm Phượng ⁽¹⁾	Chủ tịch HĐQT	607.764.960	607.392.000
Trần Hùng ⁽²⁾	Chủ tịch HĐQT	574.912.800	574.560.000
Trần Thanh Bình ⁽³⁾	Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	512.743.176	512.456.208
Phan Thanh Bình ⁽⁴⁾	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc	512.743.176	512.456.208
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	512.743.176	512.456.208
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	468.156.802	467.894.804
Cộng		3.189.064.090	3.187.215.428

0302
 C
 RACH
 EM T
 CH
 15

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thù lao	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
Lưu Văn Khanh	Thư ký	42.000.000	42.000.000
Lê Thị Hồng Thắm	Thư ký	42.000.000	42.000.000
Cộng		312.000.000	312.000.000

Cổ tức	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thị Diễm Phượng	Chủ tịch HĐQT	33.831.000	33.831.000
Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	6.993.000	6.993.000
Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	5.670.000	5.670.000
Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc	1.228.500	1.228.500
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	11.907.000	11.907.000
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	18.778.500	18.778.500
Cộng		78.408.000	78.408.000

⁽¹⁾ Bà Nguyễn Thị Diễm Phượng miễn nhiệm từ ngày 01/01/2023;

⁽²⁾ Ông Trần Hùng được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023;

⁽³⁾ Ông Trần Thanh Bình được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023;

⁽⁴⁾ Ông Phan Thanh Bình được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023.

3b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Cổ đông sở hữu 64,00 % cổ phần
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	Cổ đông sở hữu 17,38 % cổ phần
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	Cổ đông sở hữu 15,00 % cổ phần

Giao dịch với các bên liên quan khác trong năm gồm:

	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre		
- Trả cổ tức	16.934.400.000	16.934.400.000
Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh		
- Trả cổ tức	4.598.559.000	4.598.559.000
Công ty TNHH Hoàn Cầu		
- Trả cổ tức	3.969.000.000	3.969.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

4a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Cung cấp nước sạch;
- Thi công tuyến cấp thoát nước;
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

	Cung cấp nước sạch	Thi công tuyến cấp thoát nước	Hoạt động thu phí BVMT	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng	213.318.804.606	1.341.516.630	611.198.541	205.006.103	215.476.525.880
Giá vốn hàng bán	75.173.019.025	1.324.740.759	365.568.000	120.044.991	76.983.372.775
Lãi gộp	138.145.785.581	16.775.871	245.630.541	84.961.112	138.493.153.105
Tỷ lệ lãi gộp	64,76%	1,25%	40,19%	41,44%	64,27%
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng	203.898.722.281	1.935.892.877	581.735.423	79.787.886	206.496.138.467
Giá vốn hàng bán	80.700.196.688	1.918.751.766	486.761.042	70.462.155	83.176.171.651
Lãi gộp	123.198.525.593	17.141.111	94.974.381	9.325.731	123.319.966.816
Tỷ lệ lãi gộp	60,42%	0,89%	16,33%	11,69%	59,72%

4b. Khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

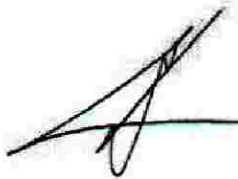
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

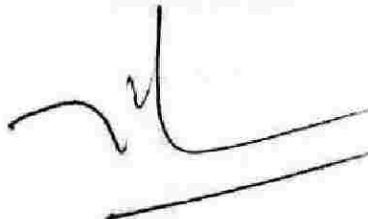
Bến Tre, ngày 25 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu



NGUYỄN DUY HIÊN

Kế toán trưởng



VÕ THỊ THIÊN TRANG



Chủ tịch HĐQT

TRẦN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Địa chỉ: Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2021	294.000.000.000	53.135.484.191	45.115.617.587	392.251.101.778
Tăng trong năm	-	14.355.617.587	46.773.271.694	61.128.889.281
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	14.355.617.587	-	14.355.617.587
- Lợi trong năm	-	-	46.773.271.694	46.773.271.694
Giảm trong năm	-	-	(48.120.026.267)	(48.120.026.267)
- Trích quỹ đầu tư phát triển từ KQKD năm 2020	-	-	(3.955.617.587)	(3.955.617.587)
- Chia cổ tức từ KQKD năm 2020	-	-	(26.460.000.000)	(26.460.000.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ KQKD năm 2021	-	-	(6.906.006.751)	(6.906.006.751)
- Trích Quỹ thưởng ban quản lý từ KQKD năm 2021	-	-	(398.401.929)	(398.401.929)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển từ KQKD năm 2021	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	294.000.000.000	67.491.101.778	43.768.863.014	405.259.964.792
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2022	294.000.000.000	67.491.101.778	43.768.863.014	405.259.964.792
Tăng trong năm	-	14.512.163.287	54.566.014.275	69.078.177.562
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	14.512.163.287	-	14.512.163.287
- Lợi trong năm	-	-	54.566.014.275	54.566.014.275
Giảm trong năm	-	-	(63.055.375.131)	(63.055.375.131)
- Trích quỹ đầu tư phát triển theo phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	(2.672.163.287)	(2.672.163.287)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2021	-	-	(26.460.000.000)	(26.460.000.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022	-	-	(6.984.578.833)	(6.984.578.833)
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2022	-	-	(398.633.011)	(398.633.011)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2022	-	-	(11.840.000.000)	(11.840.000.000)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2022	-	-	(14.700.000.000)	(14.700.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	294.000.000.000	82.003.265.065	35.279.492.158	411.282.767.223

Người lập biểu

NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng

VÕ THỊ THIÊN TRANG



tháng 3 năm 2023

CHỖ CHỮ HỌ TÊN

TR

TR

TR

TRẦN HÙNG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người đại diện:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết : cổ phần

Mã số biểu quyết: **NBT 00...**

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bến Tre, ngày 24 tháng 6 năm 2023



PHIẾU ĐẶT CÂU HỎI
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Tên cổ đông/ đại diện cổ đông:.....

Sở hữu/ đại diện sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần
Cấp thoát nước Bến Tre.

Ngoài các nội dung báo cáo và tờ trình của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã được đăng tải tại trang website www.capnuocbentre.vn, tôi có ý kiến khác như sau:

- 1.....
.....
.....
- 2.....
.....
.....
- 3.....
.....
.....
- 4.....
.....
.....
- 5.....
.....
.....

CỔ ĐÔNG HOẶC ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

MÃ BIỂU QUYẾT:

NBT 0.



PHIẾU BIỂU QUYẾT

Nội dung các Tờ trình

Nội dung cần biểu quyết	Biểu quyết		
	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 2: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022; Kế hoạch và giải pháp năm 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 3: Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động của năm 2022 và Kế hoạch năm 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 4: Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022;.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 5: Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 6: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 7: Tờ trình tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký, Thư ký năm 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 8: Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo soát xét và Báo cáo tài chính 2023.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 9: Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Nội dung 10: Tờ trình bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô: Tán thành/Không tán thành/ Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 24 tháng 6 năm 2023

ĐẠI BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)



ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

PHIẾU BẦU
BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2020 – 2025

Cổ đông/Người đại diện:

Mã số bầu cử:

Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu/được ủy quyền: phiếu biểu quyết.

Tổng số lượng phiếu bầu:..... phiếu bầu.

Tôi đồng ý Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2023 như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1		
2		
Tổng cộng:			

Hướng dẫn:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu (... người).
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu.

Ngày 24 tháng 6 năm 2023

ĐẠI BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)